DƯƠNG BÍCH HỒNG

Ơ THẢO

lịch sử

SỰ NGHIỆP THƯ VIỆN VIỆT NAM

THỜI PHONG KIẾN

NG CAO ĐẲNG NGHIỆP VỤ VĂN HÓA
HÀ NỘI – 1981

https://tieulun.hopto.org

DƯƠNG BÍCH HỒNG

SƠ THẢO LỊCH SỬ
SỰ NGHIỆP THƯ VIỆN VIỆT NAM
(*Thời kỳ phong kiến*)

THƯ VIỆN ... TP. HỒ CHÍ MINH
Số: GT 598...
Ngày vào sổ...

THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TỔNG HỢP
TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 01014699
Ngày vào sổ...

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHIỆP VỤ — VĂN HÓA
HÀ NỘI — NĂM 1981

https://tieulun.hopto.org

LỜI NÓI ĐẦU

Tìm hiểu lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam thời phong kiến là một yêu cầu đối với việc học tập và nghiên cứu của học sinh ngành thư viện, mục đích tài liệu được xuất bản nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu đó.

« Sơ thảo lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam thời phong kiến » là một phần của toàn bộ công trình nghiên cứu « Lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam ». Phần này đề cập đến những cơ sở xã hội, những nhân tố hình thành thư viện ở Việt Nam, những nhân tố tác động đến sự phát triển sự nghiệp thư viện ở Việt Nam, và nghiên cứu sự phát triển có tính quy luật của nó đồng thời gắn liền với đặc điểm dân tộc của đất nước trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể.

Nghiên cứu về sự nghiệp thư viện Việt Nam là một yêu cầu không những đối với học sinh thư viện và những người nghiên cứu về thư viện, mà đó cũng là một yêu cầu đặt ra trong quá trình nghiên cứu toàn bộ lịch sử văn hóa của dân tộc. Song về vấn đề này hiện nay còn chưa được nghiên cứu thỏa đáng.

Về tài liệu để nghiên cứu viết về lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam trong giai đoạn phong kiến rất hiếm, và quá ít ỏi. Chúng tôi phải lần theo dấu vết các tài liệu lịch sử để lọc ra những căn cứ lịch sử, những vấn đề liên quan, trên cơ sở đó có những đánh giá nhận định. Việc thu thập tài liệu lịch sử về thư viện ở đất nước chúng ta gặp nhiều khó khăn, trước hết vì sự tàn phá, hủy hoại của những cuộc chiến tranh liên miên, một phần nữa là do ảnh hưởng của điều kiện khí hậu. Cho đến nay, những thư viện cổ của chúng ta hầu như không còn, từ thư viện lớn trong quốc

https://tieulun.hopto.org

tế giảm thế kỷ XI đến các thư viện của triều Nguyễn đầu thế kỷ XX đều bị phá hủy.

Trong tài liệu này, chúng tôi chỉ căn cứ vào sử sách đã nói đề tìm đến những dấu vết còn lại, trên thực tế cũng khó mà xác định được tầm vóc, quy mô của các công trình đó khi xưa. Tuy nhiên, với ý thức chắt chiu tìm lọc những chi tiết nhỏ nhất có liên quan đến sự phát triển sự nghiệp thư viện, chúng tôi mạnh dạn hệ thống sự phát triển đó qua các triều đại, các thời kỳ lịch sử, tìm hiểu những đóng góp của mỗi giai đoạn đối với sự phát triển chung của lịch sử.

Trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu này, chúng tôi đã được sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí ở khoa lịch sử Trường Đại học tổng hợp, các đồng chí ở Thư viện Quốc gia, các đồng chí ở Viện Thông tin khoa học xã hội, Viện Hán nôm, Viện bảo tàng Mỹ thuật và Nhà in báo Quân đội. Nhân dịp xuất bản tài liệu, chúng tôi chân thành cảm ơn tất cả sự giúp đỡ của các đồng chí.

Hà Nội ngày 16 tháng 10 năm 1981

https://tieulun.hopto.org

PHẦN MỞ ĐẦU

Nước ta được gọi là nước văn hiến (nghĩa là nước có văn hóa sách vở) trên từ vua chúa, dưới đến các quan cùng nhân dân, đều có biên soạn sách vở.

Lê Quý Đôn, nhà bác học, nhà thư viện học đầu tiên ở nước ta đã vô cùng tự hào nhắc lại ý kiến của Nguyễn Trãi trong Bình Ngô đại cáo — « Ngã Việt tố xưng văn hiến » (nước ta vốn xưng là nước văn hiến).

Dân tộc ta là một dân tộc có lịch sử phát triển từ lâu đời, có truyền thống về văn hóa, có ý thức xây dựng và bảo tồn nền văn hóa dân tộc trong những điều kiện hết sức ngặt nghèo. Nghiên cứu Sự nghiệp thư viện Việt Nam, nhằm tìm được những nét tinh hoa để kế thừa và phát triển, tìm được những quy luật đấu tranh giai cấp trong sự nghiệp thư viện ở Việt Nam, đường lối của Đảng trong công tác văn hóa nói chung và trong lĩnh vực thư viện nói riêng đã chỉ rõ phương hướng nghiên cứu nhằm phục vụ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của đất nước.

Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ III, 1960 đã chỉ rõ mục tiêu của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa là : « Làm cho tư tưởng Mác — Lê-nin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nhân dân và nhiệm vụ của công tác văn hóa là nâng cao trình độ cho nhân dân và giáo dục tình cảm cách mạng cho họ » (1).

Trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IV cũng đã viết :

« Để nâng cao kiến thức và trình độ giác ngộ cho nhân dân, phục vụ đắc lực cách mạng khoa học — kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa... xây dựng thói quen đọc sách báo trở thành nhu cầu không thể thiếu được của mỗi con người dưới chế độ mới ».(2).

---

1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, II., 1960.

2) Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IV. tr. 57.

https://tieulun.hopto.org

Xây dựng thế giới quan Mác-xít, nhân sinh quan cách mạng là vấn đề vô cùng quan trọng trong công tác văn hóa giáo dục. Đặc biệt đối với nước ta, một nước phong kiến nửa thuộc địa bị chính sách ngu dân của chế độ thực dân kiểu cũ của Pháp, chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ dìm trong tối tăm ngu dốt. Năm 1945 khi Cách mạng tháng Tám thành công, dân tộc ta đến 90% bị mù chữ. Đảng và Nhà nước hết sức coi trọng việc giáo dục văn hóa cho quần chúng. Ngay từ năm 1946 Hồ Chủ tịch đã kêu gọi nhân dân « diệt giặc dốt », cũng như « diệt giặc đói ». Một phong trào xóa nạn mù chữ được tiến hành rộng rãi ở khắp đất nước vừa thoát khỏi ách nô lệ. Một dân tộc tự do đã bắt đầu thức tỉnh bằng những tri thức khoa học, nhận thức được những điều mới mẻ của xã hội mới, như Lê-nin đã chỉ rõ:

« Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công trong một nước thì nhân dân nước đó phải đọc và biết sử dụng sách » (1).

Nghiên cứu sự nghiệp thư viện ở Việt Nam gắn liền với việc nghiên cứu truyền bá học thuyết Mác — Lê-nin vào Việt Nam, quá trình phát triển tổ chức sử dụng sách báo có tính chất xã hội.

Để chỉ rõ quá trình phát triển của thư viện Việt Nam ở các giai đoạn lịch sử cụ thể, phải căn cứ trên quan điểm duy vật lịch sử, với phương pháp biện chứng, đó là cơ sở lý luận, nền tảng của phương pháp để giải quyết vấn đề có tính chất khách quan khoa học. Đó là nghiên cứu sự nghiệp thư viện Việt Nam gắn liền với thực tế lịch sử, với cơ sở kinh tế xã hội của mỗi chế độ. Vì vậy nghiên cứu sự nghiệp thư viện cũng là nghiên cứu những quan điểm khác nhau của các giai cấp xã hội về tổ chức và sử dụng sách báo.

Trong phạm vi vấn đề nghiên cứu « SỰ NGHIỆP THƯ VIỆN Ở VIỆT NAM » chúng tôi sẽ điểm qua quá trình phát triển thư viện ở mỗi giai đoạn, cụ thể là:

— « Sự nghiệp thư viện Việt Nam dưới chế độ phong kiến » hay « Sự nghiệp thư viện Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám ».

— Sự nghiệp thư viện Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để làm sáng tỏ được quá trình phát triển của sự nghiệp thư viện trong mỗi thời kỳ lịch sử, việc nghiên cứu sẽ gắn liền với các vấn đề:

---

(1) Lê-nin — bàn về văn hóa văn học, tt., Nxb Văn học, 1977.

https://tieulun.hopto.org

— Đường lối chủ trương phát triển văn hóa của mỗi giai đoạn, mỗi chế độ xã hội.

— Lịch sử phát triển văn hóa giáo dục, lịch sử sách, văn hóa xuất bản và thư mục.

— Tổ chức, cơ cấu của hệ thống thư viện.

— Cơ sở vật chất và kỹ thuật của thư viện.

— Vấn đề đào tạo cán bộ thư viện...

Trong khi viết về đề tài này, chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn vì điều kiện tài liệu vô cùng phân tán và quá ít ỏi. Nghiên cứu sự nghiệp thư viện ở Việt Nam nhằm rút ra những kết luận về sự phát triển có tính quy luật phổ biến của thư viện, tính kế thừa và sự phát triển sự nghiệp thư viện dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển có tính chất đặc thù của sự nghiệp thư viện ở Việt Nam từ một nước phong kiến nửa thuộc địa, một nước từ nền sản xuất nhỏ đi lên nền sản xuất lớn, một nước mà lịch sử luôn gắn với những chiến công chống xâm lược, bảo tồn dân tộc, bảo tồn nền văn hóa bằng chính xương máu của mình.

Nghiên cứu sự nghiệp thư viện Việt Nam nhằm chứng minh nguyên lý sự nghiệp thư viện là sự nghiệp của quần chúng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, và thực sự là một bộ phận trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của dân tộc.

https://tieulun.hopto.org

SỰ NGHIỆP THƯ VIỆN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ PHONG KIẾN

I – CÁC CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ THƯ TỊCH.

Lịch sử dân tộc ta là lịch sử của những chiến công chói lọi chống ngoại xâm, lịch sử vẻ vang của một dân tộc quyết tâm dựng nước và giữ nước. Trải hàng ngàn năm dưới sự đô hộ của bọn phong kiến phương Bắc, dân tộc ta luôn trỗi dậy để giành quyền dân tộc độc lập. Từ những cuộc khởi nghĩa của Hai bà Trưng những năm 30 đầu thế kỷ thứ nhất, đến cuộc khởi nghĩa của Triệu Trinh Nương (240) và những chiến công hiển hách của Ngô Quyền, Lê Hoàn phá Tống (938) đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của dân tộc mà không kẻ thù nào có thể dè bẹp ý chí bảo vệ độc lập tự do của mình.

Lịch sử Việt Nam cũng là lịch sử của dân tộc có ý thức tự cường, ý thức bảo tồn nền văn hóa dân tộc, đấu tranh chống lại chính sách đồng hóa thâm độc của bọn bành trướng phương Bắc.

Thời kỳ Bắc thuộc, bọn phong kiến xâm lược, ngoài thủ đoạn tàn bạo vơ vét của cải, bóc lột tàn tệ dân ta; chúng toan đồng hóa dân tộc ta cả về mặt văn hóa, giáo dục.

1 — Chính sách của bọn phong kiến phương Bắc.

Thời kỳ đô hộ nước ta, chính sách của bọn xâm lược đối với việc học hành thi cử của dân ta rất hạn chế, đến thế kỷ thứ IX, nhà Đường còn quy định rất khắt khe việc đào tạo người Việt. Theo Lê Trắc trong An nam chí lược quyển 10 «Lệ nhà Đường năm 845 quy định sĩ tử An nam thi khoá tiến sĩ không được quá 8 người, thi khoa minh kinh không được quá 10 người».

Tuy vậy những người đỗ đạt thời kỳ này cũng chỉ là công cụ cho bộ máy cai trị của bọn xâm lược mà thôi.

https://tieulun.hopto.org

Chính sách dã man tàn bạo của bọn xâm lược đối với nền văn hóa của dân tộc ta thể hiện rõ hơn cả là khi chúng xâm chiếm và rút lui khỏi nước ta, đặc biệt chính sách của giặc Minh đối với thư tịch Việt Nam. Ngay khi chiếm được nước ta, nhà Minh xóa bỏ tất cả các trường học ở các châu, các huyện, đồng thời thi hành chính sách hủy diệt đối với nền thư tịch nước Đại Việt.

Trong sắc chỉ 10 điều gửi cho Chu Năng, tướng viễn chinh ở Việt Nam, Minh Thành Tổ đã nhấn mạnh ở điều khoản thứ 3 là :

Một khi binh lính vào được nước Nam, trừ các sách kinh và bản in của đạo Phật, đạo Lão thì không thiêu hủy, *ngoài ra thiêu hủy hết thảy mọi sách vở, văn tự cho đến cả các loại sách ghi chép, ca lý dân gian hay sách dạy trẻ loại sách có câu « thương đại nhân, khưu ất đễ » (tam tự kinh) một mảnh chữ đều phải đốt hết.* Khắp trong nước phàm những bia do Trung Quốc dựng từ xưa tới nay thì gìn giữ cẩn thận, *còn các bia do An nam dựng thì phá hủy tất cả, một chữ chớ để còn* (1).

Năm 1418 lại một lần nữa bọn nhà Minh vơ vét hết sách vở đưa về Kim Lăng. Với chính sách đốt sạch, phá sạch, hủy diệt toàn bộ nền văn hóa của nước ta, bọn phong kiến Trung Quốc đã làm tổn hại nền văn hóa của chúng ta biết là nhường nào.

Trong Đại Việt sử ký toàn thư 1479, Ngô Sĩ Liên đã viết về tình cảnh thư tịch Việt Nam lúc đó :

« Giáo mác đầy đường, dâu chẳng là giặc Minh cường bạo : sách vở cả nước ta đều trở thành một đống tro tàn. Muốn tìm sự tích sót lại trong đống than tro khó tránh được tiếng thị phi trong việc biện giải chữ « hợi » và chữ « thỉ ».

Sau khi chiến thắng giặc Minh, khôi phục lại đất nước, các triều đại phong kiến Việt Nam tiếp tục thu góp, xây dựng, vun đắp để phát triển nền văn hóa độc lập tự chủ của mình.

Đến thế kỷ XVIII, nhà Thanh lại mang quân sang xâm lược nước ta, chúng lại một lần nữa tàn phá sách vở, thư tịch của chúng ta.

2 — Các chính sách về văn hóa, giáo dục của Nhà nước phong kiến Việt Nam.

Vào thế kỷ thứ X, thời kỳ Đinh Tiên Hoàng thống nhất các sứ quân, xưng vương dựng nước, thời kỳ Lê Hoàn phá 10 vạn quân Tống để bảo vệ độc lập chủ quyền, nước ta tự xưng là nước Đại Cồ Việt, không còn là một châu, một xứ thuộc Bắc triều nữa.

---

(1) Việt kiệu thư, quyển 11, tờ 25 do sứ thần nhà Minh soạn — đề tựa năm 1540.

https://tieulun.hopto.org

Giai đoạn đầu dựng nước, ngoài việc củng cố quốc phòng, phát triển kinh tế, các vua nhà Đinh chú trọng việc truyền bá đạo Phật rộng rãi trong nhân dân. Phật giáo lúc này có vị trí đặc biệt trong xã hội. Một tầng lớp tăng lữ có học thức được hình thành có uy tín và ảnh hưởng lớn đối với xã hội (Sư Vạn Hạnh, sư Đa Bảo, sư Viên Thông đều được tham dự, bàn bạc và quyết định các việc trong triều như cố vấn của nhà vua). Nhiều sư nổi tiếng như Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh còn để lại nhiều áng thơ ca bất hủ, được lưu truyền cho đến nay.

Chính sách của nhà Đinh — Lê đặc biệt tôn sùng đạo Phật, đạo Phật được mở rộng phát triển khắp nơi. Nhân dân quá nửa làm sư sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa. Năm 1031 triều đình Lý bỏ tiền xây dựng 950 chùa quán. Riêng ở Hoa Lư năm 973 Nam Việt vương Đinh Liễn cho dựng 100 cột đá khắc kinh Phật, gọi là kinh Tràng. Năm 1129 triều đình mở hội khánh thành 84000 bảo tháp (bằng đất nung).

Thời Lý, thế kỷ XI, đây là thời kỳ dựng nước với quy mô lớn, « đặt nền tảng vững chắc và toàn diện cho sự phát triển của dân tộc và quốc gia phong kiến độc lập » (1).

Nhà Lý bắt đầu chăm lo việc mở mang việc học tập và thi cử.

Sau khi dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, 1010 nhà Lý tổ chức thành một quốc gia phong kiến tập quyền. Năm 1042 Lý Thái Tông cho ban hành bộ Hình thư, bộ luật thành văn đầu tiên ở nước ta. Căn cứ vào việc biên soạn bộ Hình thư chúng ta cũng có thể thấy được trình độ phát triển nhất định của nền văn hoa Việt Nam.

Năm 1070 nhà Lý dựng Văn miếu và nhà Quốc tử giám ở kinh thành làm nơi học tập cho con em tầng lớp quý tộc, quan lại ; nền Đại học Việt Nam được hình thành từ đó. Năm 1075, triều đình mở khoa thi đầu tiên chọn nhân tài để xây dựng và phát triển đất nước về mọi mặt.

Sự nghiệp phát triển văn hóa và giáo dục ở nước ta được bắt đầu kể từ thời Lý ; thời kỳ đầu tiên trong lịch sử dựng nước.

Đến đời Trần, chế độ trung ương tập quyền được tăng cường về mọi mặt. Bên cạnh những cơ quan chuyên trách bộ máy hành

---

(1) Lịch sử Việt Nam. T.1, H., Nxb Khoa học xã hội, 1971, tr. 151

https://tieulun.hopto.org

chính phát triển, có những cơ quan chuyên trách văn hóa, y tế như quốc sử viện, thái y viện...

Chế độ thi cử học hành dần đi vào chính quy. Tại kinh đô, nhà nước lập quốc học viện dành riêng cho con em quý tộc quan lại và các nho sĩ vào học. Chức học quan dần đặt tới cấp lộ, châu, phủ, có chế độ cấp ruộng cho thầy học và in sách cho học trò. Ngoài các trường học của nhà nước, trong xóm làng còn có những lớp học riêng do các nho sĩ mở. Có những người thầy nổi tiếng, đào tạo được nhiều nhân tài như Chu Văn An.

Năm 1232, nhà Trần mở khoa thi – thái học sinh đầu tiên trong lịch sử.

Với chế độ thi cử học hành chính quy, nhà Trần đã đào tạo được nhiều người tài giỏi. Lê Văn Hưu nhà biên soạn bộ lịch sử đầu tiên ở nước ta, ông biên soạn bộ « Đại Việt sử ký » gồm 30 quyển. Nhiều bộ sách, tác phẩm nổi tiếng, có giá trị thuộc các lĩnh vực khác nhau xuất hiện. Tiêu biểu như binh thư Tướng sĩ văn của Trần Quốc Tuấn, « Bách thế thông khảo » hay « Bách thế thông kỷ thực » nội dung về thiên văn, lịch pháp của Trần Nguyên Đán; « Nam dược thần hiệu » của Nguyễn Bá Tĩnh...

Đặc biệt triều Lê sau khi chống giặc Minh thắng lợi, nhà Lê đã xây dựng một nhà nước tập quyền vững mạnh. Văn hóa giáo dục phát triển đến độ cao nhất của chế độ phong kiến Việt Nam phải đến thời Lê – thế kỷ XV. Đó là thời kỳ toàn thịnh trong lịch sử của dân tộc.

Năm 1428 Triều Lê lập quốc tử giám ở kinh đô, lập nhà lộ học, quốc tử giám thì dành riêng cho con em các quan chức còn trường ngoại thì cho con cái nhà dân; có bổ thầy dạy dỗ. Như vậy việc học hành được mở rộng hơn hẳn so với các triều đại trước. Ngoài việc tổ chức trường học, nhà Lê quy định chế độ thi cử, mở các khoa thi thường xuyên định lệ dựng bia đá ở Văn Miếu để ghi tên tuổi các vị tiến sĩ. Việc thi cử được tổ chức theo quy định, nền nếp, từ thi hương ở địa phương, thi hội ở kinh thành, cứ 3 năm một kỳ. Số lượng người thi trong mỗi kỳ có khi lên tới hàng nghìn. Đời Lê đã đào tạo được một đội ngũ nhân tài đông đảo nhất. Trong 844 năm của chế độ thi cử thời kỳ phong kiến (1075 – 1918) tất thảy có 2235 tiến sĩ, với 30 Trạng nguyên: riêng đời Lê Thánh Tôn tổ chức 12 khoa thi với 501 tiến sĩ, 9 Trạng nguyên, Ngô Sĩ Liên trong « Đại Việt sử ký toàn thư » đã viết:

https://tieulun.hopto.org

« Ngay từ khi Lê Lợi lên ngôi đã định luật lệ, chế lễ nhạc, mở khoa thi, đặt cấm vệ, dựng quan chức, lập phủ huyện, tìm sách vở, mở học hiệu » (1).

Dưới các triều vua Lê, nho giáo được coi trọng, được phát triển mạnh mẽ, đội ngũ nho sĩ đã thay thế hẳn các tăng lữ trong việc triều chính, nhà Lê đã bỏ hẳn thi tam giáo (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo).

Dưới triều Lê Thánh Tôn, hội Tao Đàn, gồm « Nhị thập bát tú », nghĩa là gồm 28 người giỏi thơ văn cùng nhau ngâm xướng Lê Thánh Tôn đứng làm chủ soái cùng với các thi gia nổi tiếng như Lý Tử Tấn, Nguyễn Mộng Tuân, Nguyễn Trãi... Triều Lê cũng đã để lại được nhiều công trình, nhiều tác phẩm có giá trị như : « Bình Ngô đại cáo » của Nguyễn Trãi, và nhiều tác phẩm khác của ông, « Đại Việt sử ký toàn thư » của Ngô Sĩ Liên, Phan Phu Tiên với « Đại Việt sử ký », « Đại thành toán pháp » của Lương Thế Vinh...

Dưới thời Lê, các triều vua đều quan tâm đến việc thu thập sách vở, chú ý đến vấn đề chép sách, in sách và xuất bản sách. Năm 1425 Lê Thánh Tôn xuống chiếu cho thu thập sưu tầm các tác phẩm của Nguyễn Trãi, hạ chiếu cho tìm sách vở, dã sử, truyện ký xưa nay còn lưu giữ trong các nhà tư để tham khảo viết bộ « Đại Việt sử ký ». Năm 1485, triều đình ban phát sách học cho các học quan ở phủ, lộ như Tứ thư, ngũ kinh, Đăng khoa lục, Ngọc dương văn phạm, Văn hiến thông khảo, Văn tuyển cương mục và các sách thuốc cho y quan ở các phủ.

Bùi Huy Bích trong Hoàng Việt thi văn tuyển đã viết :

« Về phần đạo học thì rừng sách, suối thư, sưu tầm hầu hết. Nói về văn chương thì sao mây bóng sáng hợp vẻ quang minh, tinh thần tâm thuật xuất hiện, đạo đức sự nghiệp phát huy, thật là « văn sáng như khuê bích, học tới chỗ uyên thâm ; tôn trọng điển lệ cũ, xa nịnh thân người hiền » (2).

Đến triều TÂY SƠN, tuy chỉ duy trì được trong một thời gian ngắn, nhà Tây Sơn đã có những chính sách rất tích cực, coi trọng việc phát triển nền văn hóa dân tộc, mở rộng việc học hành, chế độ thi cử được chấn chỉnh lại nhằm đào tạo một lớp nho sĩ quan lại có năng lực.

---

(1) Ngô Sĩ Liên. Đại việt sử ký toàn thư. H., nxb Khoa học xã hội. 1967 — 1968, tập 3, trang 5.

(2) Bùi Huy Bích. Hoàng Việt thi văn tuyển. Nxb Văn hóa, 1958.

https://tieulun.hopto.org

Vua Quang Trung ban bố chiếu lập học, khuyến khích các xã mở trường, những sinh đồ trúng tuyển trong các kỳ thi ở thời kỳ trước, phần lớn là những kẻ dùng tiền mua bằng cấp loại sinh đồ ba quan (dưới thời chúa Trịnh) phải thải hồi. Đặc biệt vua Quang Trung cho lập Sùng chính thư viện để dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm, cho phổ biến để học sinh dùng cũng như cho nhân dân sử dụng, trong các văn kiện nhà nước chữ Nôm đã được sử dụng, đó là một bước phát triển mới của nền văn hóa dân tộc.

Ở giai đoạn này, thế kỷ XVIII – XIX, xuất hiện nhiều nhà bác học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng. Thế kỷ XVIII Lê Quý Đôn hoàn thành bộ « Vân đài loại ngữ » và bộ « Lê triều thông sử » ; Lê Hữu Trác viết xong bộ « Hải thượng Lãn ông y tâm tĩnh ». Triều Cảnh thịnh, sử quán đã biên soạn và cho khắc in bộ « Đại Việt sử ký tiền biên » gồm 17 quyển.

Đến thế kỷ XIX, lịch sử Việt Nam bước vào thời kỳ đen tối nhất. Nhà Nguyễn phản động đã thiết lập triều đại bằng việc bán rẻ đất nước cho thực dân Pháp. Thế là sau hơn 1 000 năm đứng lên giành giữ độc lập, xây dựng một đất nước tự chủ thì đến thế kỷ XIX dân tộc ta lại một lần nữa chịu sự đô hộ của bọn ngoại xâm phương tây.

Nhà Nguyễn đã thi hành chế độ giáo dục thi cử, nặng về vay mượn bên ngoài, đặc biệt từng bước mô phỏng Trung Quốc, với lối học kinh viện xa rời thực tiễn. Chính Minh Mệnh phải than phiền về lối học đó như sau : « Cai văn cử nghiệp khuyến sáo hủ lậu tăng bốc lẫn nhau... việc học như thế chả trách gì nhân tài suy kém » (1).

Ở thời Gia Long, việc học hành thi cử chưa được phát triển. Đến Minh Mệnh năm thứ 3 (1822) đã tổ chức được khoa thi Hội, thi Đình đầu tiên của triều Nguyễn. Đặc biệt đến vua Thiệu Trị thì việc thi cử càng được chú trọng hơn. Trong 7 năm Thiệu Trị đã mở đến 11 khoa thi. Thời Tự Đức việc học hành thi cử lại càng được chú ý hơn nữa. Tự Đức đã tự tay ra đề thi, chấm bài. Lại còn bắt buộc các hoàng thân, đình thần mỗi tháng hai ngày vào nghe giảng kinh điển. Tuy triều Nguyễn quan tâm đến việc học hành thi cử song đường lối cử nghiệp thủ cựu so với thời Tây Sơn là triều đại đã đạt được một số những cải cách. Triều Nguyễn cũng chú ý đặc biệt đến việc biên soạn lịch sử. Các vua triều Nguyễn chú ý đến việc thu thập sách vở để

---

(1) Đại nam thực lục (Chính biên) H., Nxb Khoa học xã hội, 1971 tập 4, trang 250.

https://tieulun.hopto.org

Cột đá khắc Kinh Đại Tràng thế kỷ X.

(Ảnh của Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)

Tượng đá

Người ngồi viết sách thế kỷ X

(Ảnh của Viện Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)

https://tieulun.hopto.org

nắm được tư tưởng của dân, để tiến hành biên soạn bộ sử của triều Nguyễn. Năm 1811, Gia Long xuống chiếu cho các trấn từ Quảng Bình trở vào :

« Đặc chiếu cho các sĩ dân từ năm Quý Tị trở về sau năm Nhâm Tuất trở về trước, phàm những việc quan hệ đến việc nước, ai hay biên chép thành quyển dưa nộp quan sở tại, các cụ già ai ghi nhớ việc cũ thì quan sở tại mời đến hỏi, ghi chép chuyên tâm, lời nói nào ghi được vào sử sẽ có thưởng. Thảng hoặc có can phạm húy cũng không bắt tội » (1).

Đến thời Minh Mệnh cũng xuống dụ như sau : « Phàm từ xưa tới nay, những dấu vết phế lưng của các đời, những sự thay đổi của chế độ cả những nhân vật tốt xấu, phong thổ khác nhau, trẫm muốn góp nhặt chuyện cũ để tham khảo. Bắc thành là đất văn hiến, tất có thể tìm tòi được. Vậy tất cả các văn tự còn sót lại của đời trước, hoặc sách vặt của tư gia cho đến sách kín của nước ngoài, phàm chép sự thật có thể giúp ích cho đời thì không nệ văn chương quê mùa, lời lẽ không kiêng dám, các quan sở tại hãy dâng lên trẫm xem. Trẫm sẽ hậu thưởng » (2).

Triều Nguyễn rất quan tâm đến việc xuất bản các sách về sử, địa. Có thể nói trong các triều đại phong kiến trước đó chưa có triều đại nào xuất bản nhiều sách sử như thời này.

Năm 1803 sau khi lên ngôi một năm, Gia Long sai Lê Quang Định nghiên cứu khắp các trấn, các doanh từ Lạng Sơn đến Hà Tiên để viết « Nhất thống địa dư chí ». Năm 1811, Gia Long lại sai Nguyễn Đức Huyên và Đoàn Văn Nguyên biên soạn « Duyên hải lục » ghi chép tình hình bốn doanh, 15 trấn ven biển từ Móng Cái đến Hà Tiên. Cũng trong năm này Gia Long sai soạn sách « Quốc triều thực lục ». Việc biên soạn được giao cho Thị trung học sĩ Phạm Thích, Đô học Nam sơn thượng là Nguyễn Dưỡng, Đốc học hoài kinh là Trần Toàn tổ chức biên soạn ở sử cục.

Từ Minh Mệnh, quốc sử quán được thành lập, quốc sử quán là nơi biên soạn, xuất bản sách lịch sử. Năm 1821 Minh Mệnh lại ban chỉ dụ : « Trẫm nay nối nghiệp xưa, noi theo phép cũ, chỉ nghĩ nối được chí theo được nghiệp. Năm mới lên đã cho người tìm sách xưa còn sót lại, bắt đầu mở sử cục, chọn kén nho thần ở quán để biên chép cho có chuyên trách, lại đặc phái các đại thần

---

(1) Sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục (chính biên). Nxb Khoa học xã hội. Tập 4, trang 921.

(2) Đại Nam thực lục (tiền biên). Nxb. Văn hóa 1960, tr.250, T.IV.

GT 5980
https://tieulun.hopto.org

làm tổng tài để thường sửa chữa, cốt cho hoàn thành, phàm các địa phương trong ngoài có dâng sách vở gì liền giao sang sử quán kê cứu để giúp việc tham định » (1).

Đến vua Tự Đức, việc biên soạn sử được tiến thêm một bước Tự Đức đã chú trọng đến phương pháp, nguyên tắc làm sử. Năm 1858 Tự Đức đã ra chỉ dụ :

« Việc làm sử là việc rất lớn vì rằng phải kê cứu việc đời xưa chép thành sách sử, vừa quan hệ việc làm gương soi chung, vừa ngụ ý nghĩa khuyên răn cho nên về phần lý và thể lại phải tinh tường mà xác đáng việc nên ghi chép hay bỏ bớt đi và phải nghiêm chỉnh và công bằng » (2).

Với sự quan tâm của triều Nguyễn về việc soạn sử và xuất bản thư tịch lịch sử, nhiều bộ sử đã ra đời như :

« Liệt thánh thực lục tiền biên », « Khâm định Việt sử thông giám cương mục » ; « Đại nam chính biên liệt truyện » , « Đại nam nhất thống chí », « Đại nam thực lục »... Bên cạnh những tác phẩm lịch sử, nhiều tác phẩm các loại khác cũng được phổ biến như văn học, triết học, v.v..

Mặc dù nhà Nguyễn đã quan tâm đến việc tàng trữ, sưu tầm sách vở từ cổ chí kim, nhưng lại rất phản động và đê hèn đối với thư tịch triều Tây Sơn, một thời đại mà lịch sử mãi mãi ghi nhận những chiến công hiển hách, những cải cách tiến bộ, những đóng góp to lớn của nó đối với nền văn hóa dân tộc. Gia Long, Tự Đức cũng như Minh Mệnh đều có thái độ thù địch đối với thư tịch thời này và có chính sách thủ tiêu triệt để. Năm 1802 Gia Long ra chỉ dụ : « Kho tàng sách vở không được cướp đốt, nếu như thu được giấy tờ của giặc Tây Sơn... thì sẽ gia thưởng ». Đặc biệt dưới thời Minh Mệnh, chính sách hủy diệt đối với thư tịch thời Tây Sơn càng triệt để hơn. Tất cả các bản dịch của La sơn phu tử Nguyễn Thiếp như Tử thư, ngũ kinh từ Hán ra Nôm đều bị tịch thu thiêu hủy. Minh Mệnh ra lệnh cấm tàng trữ và lưu hành tác phẩm « Đại Việt sử ký tiền biên dưới thời Cảnh Thịnh. Những bia, chuông, có ghi lại niên hiệu Tây Sơn đều bị xóa bỏ. Minh Mệnh cũng ra lệnh cấm tàng trữ sách « Lê sử tục biên » dưới thời họ Trịnh. Trong lệnh cấm có đoạn viết :

---

(1) Sự phát triển tư tưởng Việt Nam H., Nxb Khoa học xã hội T.I. tr.99.

(2) Nghiên cứu lịch sử. Năm 1963, số 56, trang 39.

https://tieulun.hopto.org

« ... Lúc này cáo dụ đã rõ ràng, nếu còn ai dám chứa riêng trong nhà sách Tục biên của họ Trịnh khắc ra, hoặc bản in hoặc bản sao, không kể số quyển nhiều hay ít, hễ phát giác ra sẽ ghép vào tội chứa yếu thư, sẽ bị xử tội nặng » (1).

Tuy nhiên, vì đường lối chính trị phản động của triều Nguyễn, những mâu thuẫn xã hội diễn ra ngày càng gay gắt, các cuộc khởi dậy của nông dân chống lại chính quyền đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của thời đại. Bên cạnh những người tham gia chính sự của triều Nguyễn ; nhiều người không theo con đường đó, mà đứng về phía quần chúng nhân dân, phê phán chế độ, tỏ thái độ phản kháng. Văn học dân gian đặc biệt phát triển mạnh mẽ, chữ Nôm được sử dụng trong nhân dân ngày càng đạt đến độ hoàn thiện.

Chính sách, đường lối của triều Nguyễn là phản động ; song vì muốn củng cố nhà nước tập quyền nên các triều đại đều cố gắng đào tạo cho chế độ mình một đội ngũ trí thức phục vụ cho quyền lợi mình ; cũng do đó mà chế độ học hành thi cử được tiến hành tổ chức quy củ (mặc dù nội dung học hành thi cử còn hạn chế). Mặt khác, để đề cao triều đại phản động của mình, các vua nhà Nguyễn đã chú trọng đến việc biên soạn nhiều bộ sử, nhưng chủ yếu vẫn là sử triều Nguyễn, đề cao vua chúa nhà Nguyễn, ca ngợi chính sách của nhà Nguyễn.

Sự phát triển mạnh mẽ của thư tịch ở thế kỷ XVIII, XIX cũng là quá trình phát triển nội tại có tính chất tương đối độc lập của mỗi nền văn hóa, của nền văn học của mỗi dân tộc, sự hoàn thiện của quá trình phát triển ngôn ngữ... Sự phát triển đó qua quá trình tiệm tiến, đến giai đoạn này có những yếu tố khách quan kích thích như cơ sở vật chất với cơ sở xuất bản, vật liệu xuất bản, kỹ thuật ấn loát, về tính chất xã hội, mâu thuẫn bộc lộ gay gắt, đó là những nguyên nhân tạo nên đề thư tịch phát triển dường như nhảy vọt so với các giai đoạn trước đó. Nghiên cứu chủ trương chính sách của các triều đại phong kiến về văn hóa giáo dục ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể, chúng ta thấy thể hiện rõ rệt tính chất đấu tranh giai cấp trong mỗi nền văn hóa dân tộc. Những chủ trương của mỗi triều đại có ảnh hưởng quyết định sự phát triển của văn hóa và giáo dục, việc đào tạo nhân tài, và do đó quan hệ đến việc xuất bản thư tịch, việc sưu tầm và tàng trữ thư tịch, chính sách và thái độ của các triều đại đối với thư tịch.

---

(1) Nghiên cứu Lịch sử. Năm 1964, số 63. Trang 12.

https://tieulun.hopto.org

II – TÌNH HÌNH XUẤT BẢN, TÀNG TRỮ THƯ TỊCH Ở VIỆT NAM DƯỚI CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN

A – *TÌNH HÌNH XUẤT BẢN THƯ TỊCH, KINH TỊCH.*

Về tình hình xuất bản thư tịch ở Việt Nam dưới các triều đại phong kiến bao gồm nhiều vấn đề, đặc biệt là những vấn đề cụ thể như : tổ chức xuất bản ; nội dung thư tịch, hình thức, vật liệu của thư tịch và kỹ thuật ấn loát.

Về tổ chức xuất bản, hầu hết các thư tịch đời Đinh, Lê, Lý, Trần đều do nhà nước chủ trương, từ việc biên soạn cho đến kiểm duyệt và cho xuất bản, phổ biến.

Thời Đinh sau khi thống nhất được đất nước đã chú trọng đến việc phát triển văn hóa dân tộc, tuy mới chỉ là bước đầu. Nhà Đinh và nhà Lý đều rất tôn sùng đạo Phật. Phật giáo được coi là quốc giáo. Trong nước xây dựng nhiều chùa chiền, nhiều kinh sách được cho in, khắc ván. Riêng ở Hoa Lư năm 973, Nam Việt vương Đinh Liễn, con trai Đinh Tiên Hoàng cho dựng 100 cột đá khắc kinh Phật cùng với việc khắc kinh lên đá, việc chép kinh trên giấy, khắc kinh trên ván để in cũng được tổ chức rộng rãi ở các chùa.

Kinh Phật được khắc lên đá là một cuốn sách lớn, có thể coi là lớn nhất ở nước ta để nhân dân học tập lúc bấy giờ. (tiếc rằng cho đến nay không còn nữa). Bên cạnh các vật liệu như giấy lụa, là vật liệu thường dùng, các vật liệu khác như đồng, đá, đặc biệt là đá được sử dụng ở các chùa chiền dưới dạng là bi ký.

Nghề giấy đã phát triển từ thời Lý ở vùng Yên Thái. Nghề in cũng đã phổ biến, nhiều gia đình khắc ván in sách. Các kinh Phật được khắc ra và phổ biến trong toàn quốc như « Kinh đại tạng » do vua Trần Anh Tông cho in năm 1267, hoặc quyển « Phật giáo pháp sư đạo tràng công văn cách thức» (1229).Sự nghiệp xuất bản được phát triển mạnh mẽ hơn dưới triều Trần, triều Lê cùng với sự phát triển chung của xã hội, nghề giấy, nghề in cũng có mở rộng và phát triển hơn. Ở thế kỷ XV nghề khắc ván in sách đã được chuyên môn hóa. Một địa phương nổi tiếng của nghề in, khắc ván lúc bấy giờ, là vùng Hải Dương gồm ba làng Liễu Tràng, Thanh Liễu, Khuê Liễu. Tương truyền là do Lương Như Học, đậu giáo nhất tiến sĩ năm 1442 là ông tổ của nghề này dạy cho ba làng. Kỹ thuật khắc ván in sách đã tiến thêm một bước, do đó việc xuất bản thư tịch đã có những thành tựu nhất định.

https://tieulun.hopto.org

Do nhu cầu phát triển văn hóa giáo dục nên việc tổ chức xuất bản, phổ biến sách là một yêu cầu cấp thiết. Trong thời kỳ này, việc tổ chức khắc ván, in và xuất bản sách chủ yếu là loại kinh sử (các sách kinh của Khổng Tử, như kinh thư, kinh lễ, kinh xuân thu, kinh dịch, các bộ sử truyện của các triều đại) một số các trứ tác, thơ ca của các bậc vua chúa khanh tướng công hầu... đều do triều đình đảm nhiệm.

Tác phẩm kinh sử được chính thức khắc ván in dưới các triều đại đều có hình thức xét duyệt. Các tác phẩm viết ra muốn được phổ biến rộng rãi hầu hết đều có dâng lên vua ngự lãm, phê chuẩn ban khen và hạ lệnh cho khắc ván hoặc cất vào bí thư khố... Thời Lê sơ, đời Hồng Đức 1479 nhà vua hạ chiếu cầu những sách còn sót lại (sau thời gian giặc Minh cướp đi và thiêu hủy thư tịch Việt Nam) đem cất vào bí thư khố, trong dịp này có người đem dâng những sách lạ, sách bí truyền, những sách của cha ông còn cất giấu được bổ sung vào kho sách của nhà nước, được khen thưởng nhiều. Nhiều bộ sách quý của các đời trước dần dần đã sưu tầm được. Do sự quan tâm khuyến khích của triều đình đối với việc sưu tầm thư tịch nên kho thư tịch triều Lê đã khôi phục lại khá phong phú. Việc học tập, thi cử được phát triển mạnh mẽ song song với chế độ xuất bản rộng rãi thư tịch.

Dưới triều Tây Sơn, đời Cảnh Thịnh cũng đã xuống chiếu cho các quan Bắc thành khắc in các sách tứ thư, ngũ kinh và các sách sử ban hành cho khắp nơi. Trong số các sách đó chỉ thấy còn lại độ 6/10 số ván, còn thì phần lớn bị mục mọt. Các ván kinh, sách, truyện đều được lục soát lại, cho khắc lại những tấm hỏng. Đến năm Canh Thân (1800) sách được khắc xong, nhà vua cho lưu chứa những ván ấy ở Bắc thành học đường, cho đem in và phát ra để tiện cho người đi học.

Bên cạnh phương thức xuất bản do triều đình chủ trương khắc ván in sách, việc chép sách tay do tư nhân đảm nhiệm cũng là phương thức phổ biến. Từ triều Lý song song với việc khắc kinh vào đá, vào tháp đất, khắc kinh trên ván in, các chùa đều tổ chức chép kinh để có sách dạy các nhà sư, kể cả thơ văn. Việc chép kinh và chép các loại sách xem ra còn tồn tại một cách phổ biến cho đến triều Nguyễn.

Đến thời Lê mạt, việc tranh giành ngôi thứ trong triều đình diễn ra một cách gay gắt, thảm khốc : một thời kỳ đảo lộn mọi trật tự từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Trong triều thì bọn quan lại đục khoét, hoang dâm

https://tieulunhoplo.org

vô độ; lấy sự chém giết nhau và dàn áp nhân dân làm lẽ sống. Bên ngoài thì quần chúng nhân dân bị đè nén ức hiếp, bị lôi kéo vào cuộc đao binh nội chiến; nhiều cuộc nổi dậy của quần chúng chống lại triều đình ở khắp nơi. Trước hiện thực đó, nhiều nhà nho đã có thái độ phản kháng lại với chế độ xã hội. Khác các giai đoạn trước đó việc xuất bản sách chủ yếu là loại kinh truyện phục vụ cho việc học hành thi cử; ở thời kỳ Lê mạt, kinh sử ít được chú ý mà loại thơ văn, truyện ký được phát triển mạnh mẽ. Nhiều tác phẩm được ra đời, được lưu truyền rộng rãi trong dân gian, có những tác phẩm nổi tiếng như Truyện Kiều của Nguyễn Du, Cung oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều, Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ, Tục truyền kỳ của Đoàn Thị Điểm... và nhiều truyện Nôm khuyết danh khác như Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Thạch Sanh, Bích Câu Kỳ Ngộ, Nhị Độ Mai, Quan Âm Thị Kính, Phan Trần, Lục Vân Tiên, Thơ chữ Nôm của Hồ Xuân Hương... Các tác phẩm này được chép tay, do các tư gia tự khắc ván in rồi phổ biến. Triều đình chính thức có lệnh cấm in truyện Nôm. Năm 1663 phủ chúa ra 47 điều giáo hóa trong đó có điều: « Những sách cần cho sự giáo hóa trong đời thì có thể in ra mà truyền bá. Nhưng gần đây có kẻ hiếu sự đã đặt ra những truyện quốc âm, mà không phân biệt sự gì đáng làm, sự gì không đáng làm rồi đem khắc ván, in mà bán. Việc đó cần phải cấm. Vậy từ nay, ai có trong nhà những bản in hay là những sách ấy phải giao cho quan xem xét và hủy đi (1).

Nhìn lại việc xuất bản thư tịch từ Lý, Lê, Trần, đến Lê sơ chúng ta thấy được vai trò của triều đình trong việc xuất bản thư tịch. Việc xuất bản thư tịch đã được tổ chức từ xét duyệt đến phê chuẩn, cho xuống lệnh khắc ván in, tàng bản và phổ biến để thống nhất từ trên xuống dưới. Bên cạnh tổ chức xuất bản của triều đình việc xuất bản sách kinh còn do một bộ phận nữa là các nhà chùa ở Việt Nam. Một bộ phận đáng chú ý nữa là các gia đình cũng tổ chức chép tay sách để lưu truyền phổ biến. Tổ chức xuất bản mang tính chất thương mại đã bắt đầu có từ thế kỷ XVII và đến thế kỷ XIX phát triển mạnh mẽ hơn do tình hình chính trị xã hội, lúc này đã hình thành một lớp thương nhân. Việc xuất bản thư tịch đối với các thương nhân đã trở thành món hàng kiếm lời, mặt khác thì việc in của tư nhân cũng tự phát phổ biến những tác phẩm có tư tưởng tiến bộ, đối lập lại với chế độ thối nát cùng cực ở giai

(1) *Ngô Cao Lãng. Lịch triều tạp kỷ. T1, H., Nxb Khoa học xã hội, 1975. Trang 301.*

https://tieulun.hopto.org

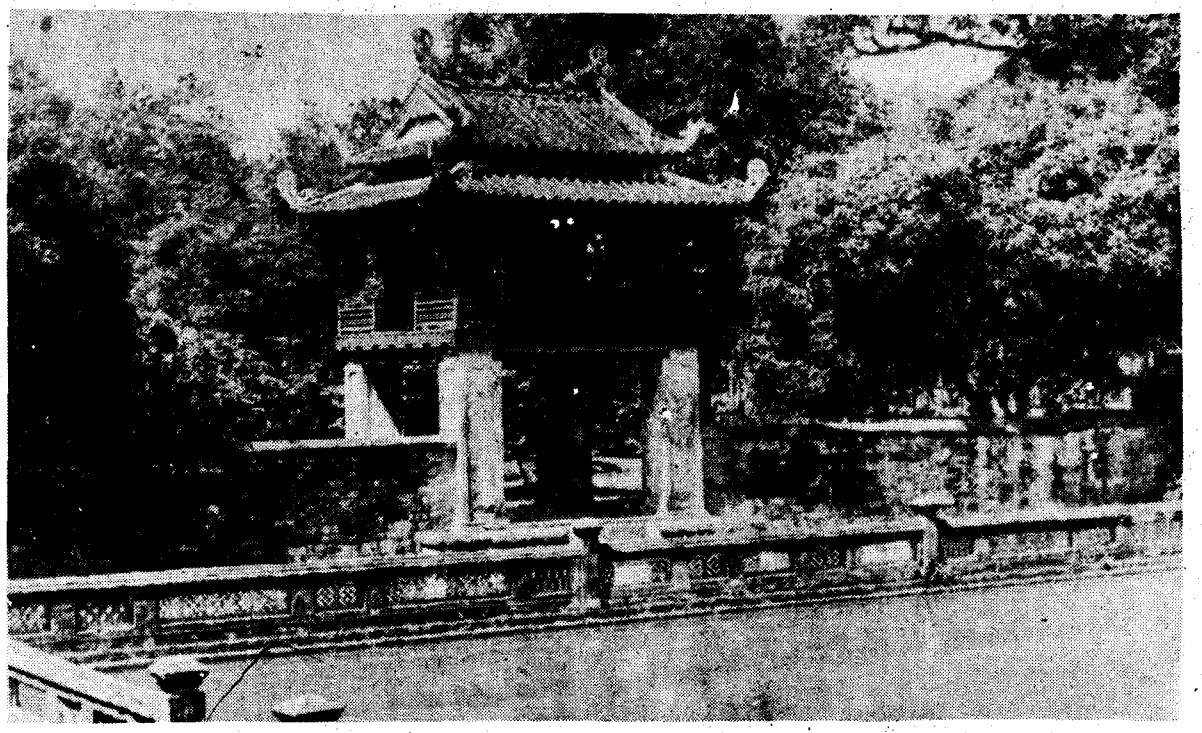

Quốc Tử Giám Hà Nội. Trường Đại học đầu tiên ở Việt Nam thế kỷ XI

https://tieulun.hopto.org

đoạn này. Một số tổ chức được lập ra để phụ trách việc biên soạn, khắc ván in bản [illegible] như quốc tử giám thời Lý, Trần. Ấn thư cục là cơ quan chuyên việc in sách được tổ chức riêng do sử quán trông coi dưới triều Nguyễn. Việc tổ chức xuất bản ở thời Nguyễn được đưa vào qui củ. Ấn thư cục tổ chức bao gồm 17 người trong đó quy định 2 kiểm hiệu, 4 thư lại, 6 lính, 5 thợ khắc chữ.

Nghiên cứu về tình hình xuất bản, tàng trữ thư tịch ở Việt Nam trong giai đoạn phong kiến có thể nút ra một vài kết luận:

— Nhà nước phong kiến chủ yếu nắm giữ việc tổ chức xuất bản thư tịch.

— Nội dung thư tịch được nhà nước quan tâm cho xuất bản chủ yếu là kinh sử truyện, là những sách chính thống để truyền bá quan điểm tư tưởng Nho giáo, Phật giáo là quốc giáo, là tư tưởng chủ đạo của giai cấp phong kiến. Những thư tịch thuộc các môn loại khác ít được chú ý, đặc biệt là các loại thơ văn, trứ thuật bằng chữ Nôm càng bị coi thường, có giai đoạn bị cấm đoán và hủy diệt. Tuy nhiên với sự phát triển có tính chất độc lập theo quy luật riêng, những tác phẩm văn học xuất hiện ngày càng nhiều và xu hướng phát triển mạnh mẽ, được phổ biến rộng rãi thông qua truyền miệng, chép tay do tư nhân in khắc ván.

Qua quá trình phát triển xuất bản thư tịch ở Việt Nam chúng ta thấy nổi bật một vấn đề là tổ chức xuất bản thư trong thời kỳ này mang nhiều chức năng; vừa khắc, vừa in, hoặc chép vừa là nơi tàng trữ bản in và cũng là cơ sở phổ biến, phân phát sách. Hay nói một cách khác về tổ chức xuất bản, tàng trữ và thư viện chỉ là một. Đó là một đặc điểm về xuất bản thư tịch ở Việt Nam. Việc xuất bản thư tịch ở Việt Nam kể từ thế kỷ X đến thế kỷ XX, tức là 10 thế kỷ, vẫn diễn ra đồng thời tuy là không đồng đều về mức độ cả 3 hình thức, chép tay, khắc ván in và in bằng máy.

Về vật liệu của thư tịch bao gồm từ các loại giấy lụa, cho đến các loại như đồng, đá. Những tác phẩm chúng ta dập lại trên các chuông đồng, bia đá có nhiều tác phẩm có giá trị về nhiều mặt. Hiện nay kho bia của chúng ta đang được bảo tồn và dần có kế hoạch khai thác.

8 — *TÌNH HÌNH TÀNG TRỮ THƯ TỊCH*

Vốn thư tịch của Việt Nam hàng chục thế kỷ nay rất phong phú. Nhìn vào kho thư tịch của cha ông để lại, chúng ta thực sự

https://tieulun.hopto.org

tự hào về nền văn hóa của dân tộc ta, về ý thức bảo vệ nền văn hóa dân tộc của tổ tiên chúng ta.

Lịch sử Việt Nam: kể từ nhà Đinh, cho đến đời Lê mạt và triều Nguyễn là triều đại cuối cùng trong lịch sử phong kiến: không đời nào mà không có người tài giỏi, không thời đại nào không xuất hiện các hiền tài. Thư tịch được biên soạn, xuất bản dưới các triều đại có thể nói đó là «rừng sách, suối thư». Song có lẽ không có ở đâu mà thư tịch lại chịu một số phận chìm nổi như thư tịch Việt Nam. Bằng nhiều nguyên nhân khác nhau ảnh hưởng đến sự tồn tại của thư tịch Việt Nam: Các chính sách ăn cướp, hủy diệt thư tịch dân tộc của bọn vua chúa phương Bắc, các cuộc đao binh liên miên hàng thế kỷ ở trong nước, các cuộc nổi dậy của quần chúng chống lại các triều đại thối nát, tình hình đó Lê Quí Đôn ghi lại một cách cụ thể như sau:

« Về thời toàn thịnh dưới triều Trần, văn học cực thịnh giấy tờ thật đầy đủ. Hồi đầu đời Nghệ Tông (1370 – 1372) Chiêm Thành đem quân đánh ta, đốt phá, cướp bóc hầu hết. Sau đó các sách vở, giấy tờ dần dần thu thập lại được. Đến đời Nhuận Hồ mất nước, tướng nhà Minh là Trương Phụ (1406) lấy hết sách vở, cổ kim của ta gửi theo con đường công về Kim Lăng. Triều ta dẹp loạn, lập lại trị bình, các bậc danh nho như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Phan Phu Tiên cùng nhau sưu tầm các sách vở, giấy tờ, nhặt nhạnh từng tờ giấy còn sót lại; nhưng sau cuộc binh hỏa, mười phần chỉ còn bốn năm phần. Vua Thánh Tông (1466 – 1496) ham thích các sách vở. Hồi đầu năm Quang Thuận (1460 — 1469) hạ chiếu tìm tòi các dã sử, thu thập các truyện cổ kim còn chứa ở các nhà riêng, hạ lệnh cho đem dâng lên tất cả. Khoảng năm Hồng Đức (1470 – 1497) nhà vua lại hạ chiếu cầu những sách còn sót lại đem chứa cất ở bí các. Trong dịp này, có người đem dâng những sách lạ, sách bí truyền, đều được khen thưởng nhiều. Do đó những sách của đời trước cũng dần được đưa ra. Đến đời loạn Trần Cảo gây ra, kinh thành bị mất, sĩ dân tranh nhau kéo vào nơi cung cấm lấy vàng, lấy lụa, *giấy tờ, sách vở rác bỏ đầy đường*. Đến đời Ngụy Mạc (1527 – 1591) dần dần những sách ấy cũng được thu thập biên chép lại. Nhưng đến khi triều đình (Lê Trịnh) lấy lại được kinh thành, *các sách vở lại bị lửa cháy*. Những sách do quan và dân còn chứa cất được cũng phần ít còn giữ được. Tan nát đến thế! Đáng tiếc lắm thay » (1): Căn cứ vào

(1) *Lê Quý Đôn, toàn tập. T.III. H., Nxb Khoa học xã hội, 1978, tr.100 – 101.*

https://tieulun.hopto.org

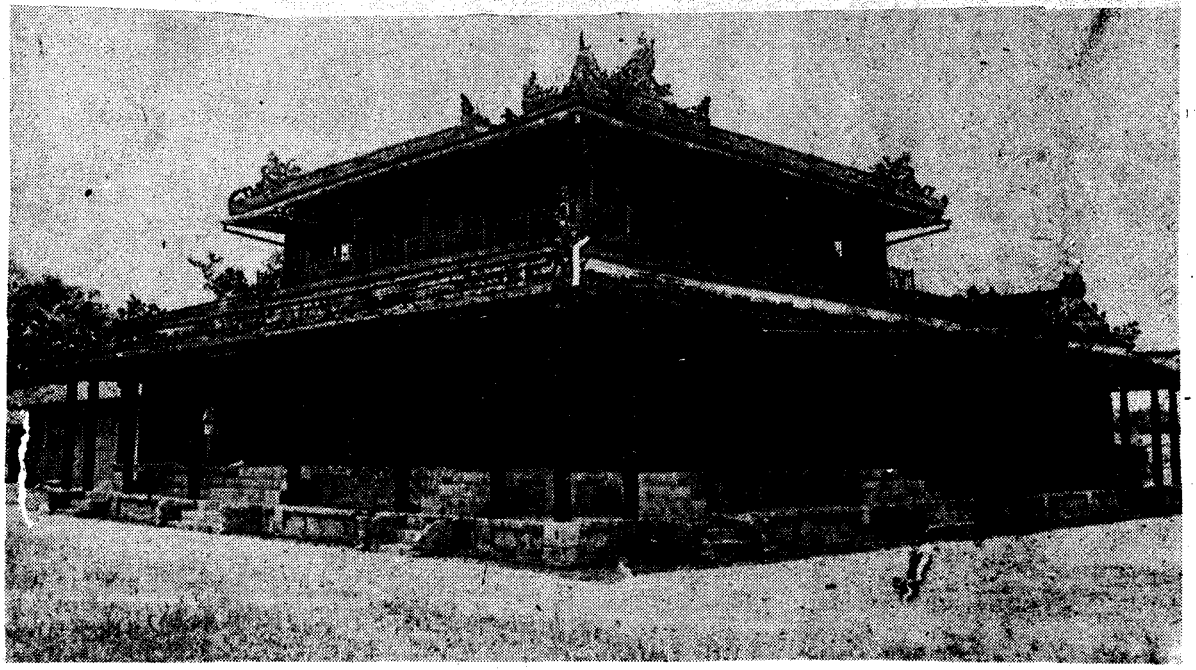

Di Luân Đường — Huế) thế kỷ XIX

(Ảnh của **Lê Vượng**)

https://tieulun.hopto.org

tài liệu của Le Qui Đôn chúng ta thấy được bước thăng trầm của thư tịch dân tộc ta biết là nhường nào.

Do tình hình sách vở thư tịch luôn luôn ở tình trạng tập trung rồi lại phân tán, tan nát tiêu hủy, rồi lại tập trung, nên việc tàng trữ tài liệu trong các triều đại phong kiến, mặc dầu có sự quan tâm của nhà nước, của nhiều nho sĩ nhưng sách còn lưu lại cũng không được bao nhiêu. Để hệ thống vấn đề tàng trữ thư tịch qua các triều đại, có thể chia thành 3 nhóm chủ yếu tàng trữ thư tịch, đó là nhóm thư viện nhà nước, kho kinh sách của nhà chùa và tủ sách của các danh nho, của các gia đình.

I.— Thư viện Nhà nước.

Dưới các triều đại phong kiến, vai trò của nhà nước trong việc xuất bản rất quan trọng. Nhà nước là người tổ chức, là người kiểm duyệt tài liệu đồng thời có chủ trương xuất bản và cho phép lưu hành kể cả việc tổ chức mượn đọc cũng được người đứng đầu nhà nước chủ trương.

Thư viện nhà nước, thuật ngữ dùng trong phạm vi tài liệu này để chỉ thư viện được nhà nước lập ra, do nhà nước chủ trương và nhà nước quản lý. Hình thức thư viện nhà nước trước hết phải nói đến thư viện của trường đại học đầu tiên ở Việt Nam là Bí thư các trong Quốc tử giám thời Lý Nhân Tông (1087). Bí thư các hoặc bí thư giám trong Quốc tử giám là cơ sở lớn chứa các bản khắc ván đã in thành sách, tàng trữ bản in sách. Các triều đại từ Lý, Lê, Trần đều hết sức coi trọng cơ sở tàng trữ này; đặc điểm nội dung kho sách mỗi thời đại có mang dấu ấn riêng của nó.

Về việc tàng trữ và xuất bản thư tịch, các triều đại đều có sự quan tâm xây dựng. Kể từ đời Lý đã bắt đầu xây dựng được một số cơ sở. Năm 1070, Lý Thánh Tông dựng văn miếu và Quốc tử giám để dạy học trò, cho chép sách kinh và xây dựng nhà chứa kinh như: Nhà Tàng thư Trấn Phúc (1011), Nhà tàng kinh Bát Giác (1021), nhà tàng kinh Đại Hưng (1023), nhà Tàng thư Trung Hưng (1034). Việc xuất bản sách và tàng trữ sách ở thời Lý mới chỉ là bước đầu. Đặc biệt chú trọng đến các trứ tác của vua chúa, các giấy tờ văn kiện, các sáng tác thơ văn của tướng sĩ và một phần khá lớn là những sáng tác thơ ca của các danh sư. Bộ phận xuất bản và tàng trữ thư tịch chủ yếu là Quốc tử giám, nơi khắc ván in sách kinh truyện cho học trò và tàng giữ các bản khắc. Năm 1087, Lý Nhân Tông đã cho lập bí thư các để lưu giữ

https://tieulun.hopto.org

các bản khắc và in sách đã được vua ngự lãm, cho phép phổ biến. Một bộ phận xuất bản và tàng trữ khá lớn thời đó nữa là các kho kinh của chùa chiền. Theo Ngô Tất Tố trong Việt Nam văn học phần văn học dời Lý thì dời Lý đã xây dựng được tòa Trung thư, tòa Hàn lâm là nơi coi về công việc trứ tác chứ không cẩu thả như hai dời Đinh, Lê.

Việc xuất bản sách và tàng trữ sách đến đời Trần tính chất nội dung có khác hơn so với đời Lý. Đời Trần, quân và dân ta đã ba lần chiến thắng quân xâm lược Nguyên, Mông. Hào khí của thời đại, hoàn cảnh lịch sử cụ thể đó đã ảnh hưởng không ít đến tình hình phát triển văn hóa và tác động đến tính chất của văn hóa trong giai đoạn này.

Nhà Trần vừa tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước, vừa lo việc xây dựng một đất nước vững vàng về mọi mặt. Đặc biệt về mặt văn hóa đã thể hiện được tính chất của một quốc gia độc lập với hào khí Đông — Á. Những tác phẩm nổi tiếng của các vua chúa, danh tướng, tôi hiền đều toát lên ý thức tự hào sâu sắc như « Hịch tướng sĩ » của Trần Quốc Tuấn, thơ văn của Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh và thơ Nôm của Nguyễn Thuyên.

Bên cạnh Quốc học viện dành cho con em quý tộc, các lộ phủ châu đều có đặt học quan : có chế độ cấp tiền bạc và mua sách vở cho học trò. Nhà Trần lập cơ quan chuyên trách việc sử là Quốc sử viện. Việc biên soạn lịch sử đòi hỏi phải có sự tập trung tư liệu, sưu tập tư liệu trong dân gian trong kho sách của các triều đại trước ; do đó Quốc sử viện phải là nơi tập trung thư tịch, biên soạn và đồng thời chịu trách nhiệm xuất bản sách. Ngoài Quốc sử viện, dưới triều Trần còn có Thái y viện để nghiên cứu về y học và dược học ở Việt Nam. Nguyễn Bá Tĩnh đã nghiên cứu 580 vị thuốc nam và 3873 phương thuốc điều trị 184 bệnh. Tác phẩm « Nam dược thần hiệu » của ông là một công trình lớn ; đóng góp xây dựng nền y học và dược học Việt Nam. Tất cả những trứ tác về các lĩnh vực khoa học triết học, sử học, quân sự, y học đều được nhà nước thông qua và đưa vào bí thư các để tàng trữ và cho xuất bản hoặc tái bản. Như vậy là kho sách dưới triều Trần nội dung đã phong phú hơn, đã có mặt nhiều môn khoa học.

Đời vua Dụ Tông, năm 1384 lập thư viện Lạn Kha (trên núi Phật Tích – Tiên Du – Bắc Ninh) giao cho danh nho Trần Tôn làm chức trưởng viện dạy học trò.

https://tieulun.hopto.org

Khái niệm THƯ VIỆN ở đời Trần bao hàm cả nghĩa là trường học. Tuy nhiên hiểu một cách đầy đủ thì từ thư viện vẫn mang đúng nghĩa của nó là viện sách, nơi để sách. Khái niệm đời Trần về thư viện có phạm vi rộng hơn khái niệm THƯ VIỆN của chúng ta ngày nay.

Đến đời Lê, sau khi bình dẹp xong giặc Minh, đất nước ta ở vào thời kỳ xây dựng, nhà nước phong kiến được củng cố thành một quốc gia độc lập, chế độ phong kiến tập quyền phát triển đến mức thịnh đạt. Dưới thời Lê, Nho giáo giành được địa vị thống trị và trở thành đạo chính thống của chế độ phong kiến. Nho giáo ở đây đã có những biến đổi phù hợp với đặc điểm của xã hội Việt Nam; nho giáo được đề cao suy tôn thành quốc giáo. Còn đạo Phật và Đạo giáo bị sa sút hẳn so với đời Lý Trần. Tính chất hạn chế của Phật giáo và Đạo giáo là thoát ly không còn phù hợp với tính tích cực nhập thế của thời đại bấy giờ.

Về thư viện, Quốc tử giám hay Thái học viện có giảng đường học tập, có kho tàng trữ sách. Theo Lê Quí Đôn thì đời Hồng Đức đã quy định rõ chế độ tại Văn Miếu: Đền thờ Khổng Tử và các môn đệ ở cửa Đại Thành có 3 gian 2 trái lợp bằng đồng ngõa... cửa Thái Học có 3 gian, có tường ngang lợp bằng ngói đồng, nhà bia phía đông và tây đều 12 gian, kho để khắc ván sách 4 gian...(1).

Các vua Lê đã cử người coi giữ thư khố ở quốc tử giám (1435 — cử Ngô Thời Trung giữ thư khó ở Quốc tử giám: 1462 cử Lương Như Học giữ chức trung thư sảnh — bí thư giám học sĩ). Năm 1466 Lê Thánh Tôn cho phát bản in ngũ kinh cho quốc tử giám để học sinh học tập. Năm 1470 lại cho dựng kho tàng trữ bản in sách ở Văn Miếu. Năm 1483 cho sửa lại nhà thái học, đặt thêm kho bí thư để chứa ván gỗ đã khắc in thành sách.

Các triều vua Lê đều rất quan tâm đến việc học hành thi cử, giáo dục để đào tạo nhân tài, việc học hành vào qui củ hơn. Số người dự thi có tới hàng nghìn như năm 1475 có tới 3 000 người dự thi. Căn cứ vào số người dự thi nhiều như vậy có thể biết được học hành phát triển, và từ đó thấy được yêu cầu về xuất bản sách, tổ chức sử dụng sách là một yêu cầu rất lớn và có tính chất cấp bách.

Tính chất kho sách dưới các triều Lê đã có những chuyển biến tích cực. Kho sách đã có những bộ sử đồ sộ như Đại Việt sử

---

(1) Lê Quý Đôn. Toàn tập. T.3. H., Nxb Khoa học xã hội, 1977.

https://tieulun.hopto.org

kỷ toàn thư gồm 15 quyển của Ngô Sĩ Liên; về địa lý có Dư địa chí của Nguyễn Trãi. Dư địa chí là một tác phẩm về cương vực đất đai, sản vật từng vùng của đất nước đó là một tài liệu rất có giá trị. Về các lĩnh vực khác như y học, toán học cũng có nhiều tác phẩm quí như « Bản thảo thực vật » của Phan Phù Tiên, «Đại thành toán pháp » của Lương Thế Vinh, « Lập thành toán pháp » của Vũ Hữu, về nghệ thuật có « Hý đường phả lục » của Lương Thế Vinh cho xuất bản năm 1501, là tài liệu đầu tiên về kịch hát cổ truyền. Về văn học đặc biệt phát triển mạnh mẽ, kho sách đã chứa đựng nhiều tác phẩm nổi tiếng của các tác giả đương thời như Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, đặc biệt là những tác phẩm thơ phú ngâm vịnh của Hội Tao đàn do Lê Thánh Tôn làm chủ soái, sau tập hợp lại thành tập « Hồng Đức quốc âm thi tập ».

Các triều vua Lê cũng chú trọng đúng mức việc sưu tầm tài liệu, thu thập sách vở trong dân gian để đưa vào kho; do đó kho sách dưới triều Lê được củng cố về hình thức cũng như phát triển về nội dung.

Dưới thời kỳ các triều Lê thịnh, thư tịch phát triển mạnh mẽ bao nhiêu, các thư viện được chú ý củng cố phát triển bao nhiêu thì đến thời kỳ Lê mạt; kho sách nhà nước càng trì trệ bấy nhiêu, đặc biệt đến thế kỷ XVII, XVIII, thời kỳ chúa Trịnh lộng quyền phía bắc, chúa Nguyễn cát cứ phương Nam; vua Lê chỉ còn là thứ bung sung bù nhìn. Nhiều cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân chống lại chế độ thối nát, bóc lột nhân dân đến tận xương tủy. Tình hình học hành, thi cử nói chung sa sút; do đó nếu kể về mặt chính thống *thư viện nhà nước ở giai đoạn này trì trệ hao mòn và bị tiêu hủy từng phần do các cuộc biến loạn* ở kinh thành. (Nạn kiêu binh ở đàng ngoài).

Bên cạnh những thư tịch chính thống được tàng trữ trong kho nhà nước, ở thời kỳ này, Văn học dân gian phát triển mạnh mẽ, đặc biệt chữ nôm được dùng rộng rãi, được các nho sĩ sử dụng sáng tác đủ các thể loại. Nhiều cơ sở khắc ván in bán tự do. Chúa Trịnh đã phải hạ lệnh cấm in, bán các loại yêu thư nôm na mách quế.

Đến thời Tây Sơn, Nguyễn Huệ rất chú trọng đến việc phát triển chữ Nôm. Người tự viết chữ Nôm trong các văn bản giấy tờ, khuyến khích phát triển tiếng nói dân tộc. Quang Trung cho lập Sùng chính Thư viện 1791 để dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm.

Sùng chính Thư viện được đặt ra là một cơ quan dịch sách, chủ yếu là sách kinh, sử, vừa là nơi dạy học đồng thời nó cũng mang một chức năng là tàng trữ sách, tàng trữ các bản ván khắc

https://tieulun.hopto.org

và sách in, sử dụng luân chuyển sách cho việc học tập của học sinh. Sự nghiệp của triều Tây Sơn quá ngắn ngủi, những cải cách tiến bộ của Quang Trung đã đánh dấu một bước phát triển mới của nền văn hóa dân tộc ; song tiếcthay, công việc chưa tiến hành được bao nhiêu.

Ở thế kỷ XVIII, XIX tình hình xã hội Việt Nam có nhiều diễn biến phức tạp. Bên trong thì các tập đoàn cát cứ tranh quyền giành lợi. Bên ngoài thì bắt đầu có sự quan tâm của các nước tư bản như Hà Lan, Pháp, Bồ Đào Nha... Bọn tư bản nước ngoài được bọn phản động trong nước là bọn chúa Trịnh, chúa Nguyễn mở đường rước chúng vào để trị lẫn nhau.

Thời kỳ này, đi đôi với các biện pháp thương mại, quân sự, bọn tư bản còn dùng bọn đội lốt thầy tu, đi sâu vào đời sống nhân dân ta để truyền giáo ; ngõ hầu nắm được gốc dân, cắm rễ được vào dân. Năm 1804 Na-pô-lê-ông (Napoléon) đã nói rõ mưu đồ của bọn tư bản :

« Hội truyền giáo nước ngoài sẽ rất có ích cho tôi ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Tôi sẽ cử các giáo sĩ đi điều tra tình hình ở các xứ. Tấm áo của họ sẽ che chở cho họ và sẽ dùng để che đậy những mưu đồ chính trị và thương nghiệp » (1).

Để đạt mục đích truyền bá đạo Thiên chúa, các giáo sĩ Phương Tây đã học tiếng Việt để giảng đạo, dùng chữ cái La tinh ghi âm tiếng Việt và hình thành chữ Quốc ngữ. Từ thế kỷ XVII, sau khi có chữ Quốc ngữ, các giáo sĩ dịch các kinh thánh và soạn sách truyền giáo. Tín đồ ngày một đông số người biết đọc biết viết chữ Quốc ngữ ngày càng nhiều.

Theo Dương Quảng Hàm (Việt Nam văn sử yếu) thì nghề in hoạt bản dùng chữ Quốc ngữ ngày càng mở mang. Ở Rôm-ma (Roma) đã xuất bản quyển từ điển Việt–Bồ–La tinh của A-lếch xăng đờ Rốt (A.De Rhodes) và một quyển giáo lý cương yếu bằng tiếng Việt.

Đến thời kỳ Ta-be (Taberd) thì việc in sách được đặt ra ở Ấn Độ (Bengale) ở đây đã có cả một nhà in đúc đủ cả chữ Quốc ngữ và chữ Nôm. Đồng thời ở Băng Cốc (Thái Lan) cũng lập nhà in sách quốc ngữ. xuất bản nhiều sách quốc ngữ về đạo như Tân ước và Cựu ước. Cũng theo Nguyễn Sĩ Đạo (2) thì sách của A. D hodes

(1) Dẫn theo Lịch sử Việt Nam. T.I. H, Nxb. Khoa học xã hội, 1971, tr.380.

(2) Nguyễn Sĩ Đạo. Đại Việt văn học lịch sử. H. Tân Hoa xuất bản, 1941 tr. 31

https://tieulun.hopto.org

là « Giáo lý vấn đáp bằng tiếng La tinh và An Nam » (Catéchisme enLatin et en Annam, 1591 — 1660) và quyển tự điển tiếng An Nam—La tinh—Bồ Đào Nha (Dictionaire Annamite—Latin—Portugais) có dựa vào hai quyển tự điển được biên soạn trước đó của hai giáo sĩ Bồ Đào Nha. Đó là quyển tự vị « An Nam – Bồ Đào Nha » của Garpar de Amaral và tự vị « Bồ Đào Nha — An Nam » của Antoine Barbosa. Như vậy chữ La-tinh được hình thành sớm hơn thời A.De Rhodes, và việc in chữ Nôm bằng máy in cũng đã có từ thế kỷ XVII.

Nhìn lại giai đoạn này, chúng ta thấy kho thư tịch của chúng ta đã có những bước thay đổi. Các thư tịch chữ Hán như loại Kinh không còn giữ vai trò độc tôn như thời kỳ Lê sơ, chữ Nôm đã bắt đầu giành được những thắng lợi đánh dấu bước phát triển của ngôn ngữ dân tộc (tiêu biểu là Truyện Kiều của Nguyễn Du). Bên cạnh đó có những yếu tố khách quan tác động vào ngôn ngữ dân tộc, sự hình thành chữ quốc ngữ, cùng các phương tiện ấn loát ở nước ngoài đã đẩy mạnh hơn sự phát triển thư tịch nói chung và sự nghiệp thư viện nói riêng. Mặt khác quá trình phát triển lịch sử, sự hoàn thiện của ngôn ngữ văn tự, sự phát triển của nghề thủ công, nghề làm giấy, khắc ván... đã tạo những tiền đề cho sự phát triển thư tịch ở giai đoạn này.

Đến thế kỷ XIX, để củng cố ngai vàng họ Nguyễn, các vua Nguyễn đã dùng nhiều biện pháp để xây dựng một nhà nước tập quyền từ trung ương đến địa phương.

Về mặt văn hóa, các vua Nguyễn từ Gia Long đến Minh Mệnh Tự Đức đều có thái độ trả thù hằn học với những thư tịch triều Tây Sơn, nhà Nguyễn muốn xóa sạch ảnh hưởng của nhà Tây Sơn trong nhân dân. Bên cạnh việc cấm đoán tàng trữ tiêu hủy thư tịch triều Tây Sơn, và dưới thời các chúa Trịnh; nhà Nguyễn đã hết sức quan tâm xây dựng một chính sử của triều đại. Nhà Nguyễn cho mở sử cục. Quốc sử quán là một cơ quan lớn bao gồm cả việc biên soạn sử, việc tàng trữ thư tịch của nhà nước cũng như các tài liệu của các địa phương dâng lên; trong sử quán có bộ phận ấn loát gọi là ấn thư cục.

Quốc sử quán đã tồn tại trên một thế kỷ, từ 1820 đến 1932 đã đóng góp một phần quan trọng việc thu thập tài liệu trong cả nước, giữ vai trò bảo quản của thư viện, đồng thời quốc sử quán cũng đã biên soạn, xuất bản hàng trăm bộ sách bao gồm các công trình thuộc các lĩnh vực khoa học khác nhau.

https://tieulun.hopto.org

Về châu bản triều Nguyễn, có tới hàng nghìn tập; các phó tuồng Vạn biên, Quần phương, Hội lâm gồm hàng trăm vở. Về sử thì đã xuất bản được những bộ sử lớn: Đại nam thực lục, Đại nam nhất thống chí, Đại nam hội điển sử, Việt sử thông giám cương mục...

Ngoài Quốc sử quán, năm 1825 Minh Mạng còn cho xây dựng Tàng thư lâu, và Tụ khuê thư viện (thư viện riêng của nhà vua) để chứa sách vở tài liệu. Minh Mạng không những chỉ chú ý đến việc xây dựng thư viện mà rất quan tâm đến nội dung kho sách (thư viện đã có 16 bộ sách phương Tây) chú ý đến việc đọc sách. Minh Mạng có lần nhắc bộ Lễ «sách vở là để người kiến văn. Nay việc học của sĩ tử cạn hẹp là vì có ít sách. Phải sai các tế tửu tư nghiệp xét sách trong Quốc tử giám, nếu chưa đủ thì tâu xin ban cấp để giảng tập» (1).

Từ năm 1933 đến 1945, tài liệu của các thư viện triều đình được tập trung về thư viện Bảo Đại. Thư viện này thiết lập tại Di Luân Đường. Quốc tử giám khi còn hoạt động đã có một thư viện riêng đặt ở Di Luân Đường. Tại đây đã tập trung một số sách của Cổ học viện và trường Hậu Bổ cũ, đồng thời cũng tổ chức các cuộc hội thảo, bình văn. Kho sách của thư viện Bảo Đại rất phong phú, là một thư viện chứa sách quý hiếm; kho sách dân tộc được tập trung lại một mối ở đây. Ngoài tài liệu sách vở của Tàng thư lâu, Tụ khuê thư viện đưa về, thư viện Bảo Đại còn tập trung được những sách quý của các gia đình quan lại. Đây cũng là cơ sở chủ yếu mà những nhà Hán học của Viện Viễn Đông Bác cổ đến sao chép tài liệu đưa về Thư viện của Viện Viễn Đông Bác cổ sau này.

Khoảng năm 1934 — 1935 có kế hoạch biến thư viện thành Tổng Thư viện Trung ương; kế hoạch tập trung tất cả sách vở và tài liệu của các văn thư khố lớn nhỏ từng được thiết lập tại Huế, kể cả kho sách và tài liệu của nội các.

Như vậy, nhìn vào giai đoạn này, ở đầu thế kỷ XX, tính chất kho sách của nhà nước có sự thay đổi rất lớn. Sự thay đổi đó không chỉ nhìn vào sự đa dạng của hình thức (bao gồm các sách chép tay chữ Hán, Nôm, sách Hán Nôm được khắc ván in, sách Nôm được in bằng máy; về ngôn ngữ bao gồm cả tiếng Việt cổ, tiếng Việt hiện đại — được phiên âm bằng chữ quốc ngữ — tiếng Pháp...) mà cả sự phong phú về nội dung.

---

1. Sách đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

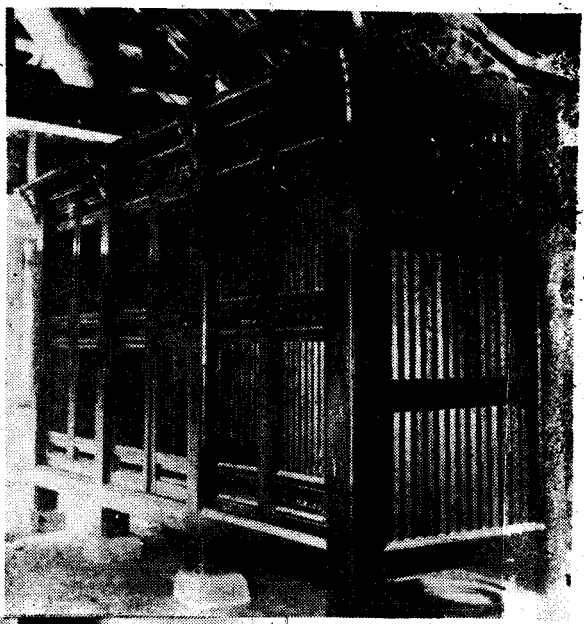

Kho chứa kinh sách ở chùa Đức La—Hà Bắc thế kỷ XVII.

(Ảnh : Viện bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam)

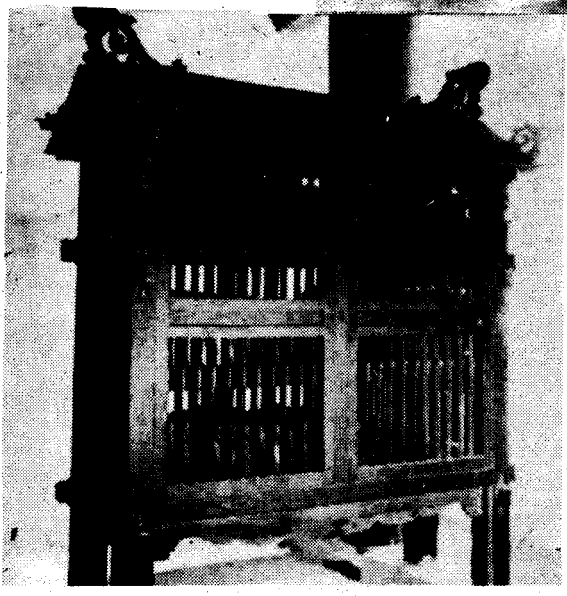

Giá để kinh sách ở chùa Đức La — Hà Bắc thế kỷ XVII.

https://tieulun.hopto.org

Khái niệm thư viện ở giai đoạn này cung đã mang tính cụ thể hơn, gần gũi với khái niệm thư viện của chúng ta ngày nay.

Thư viện nhà nước ở Việt Nam được hình thành từ sớm, đã có lịch sử phát triển gần 10 thế kỷ.

Xu hướng của thư viện nhà nước là cả một quá trình tập trung hóa. Sự tập trung này thể hiện trước hết là sự phân phát sách từ trung ương xuống các địa phương. Từ Quốc tử giám phân phát sách xuống các châu, các lộ phục vụ cho việc học tập. Cũng vì vậy, thư viện nhà nước mang tính chất quốc gia luôn gắn liền với công tác giáo dục trực tiếp. Xu hướng tập trung hóa còn thể hiện ở một khía cạnh khác là kho thư tịch nhà nước (bao gồm kinh sách, truyện, thi văn... và cả những tài liệu về thể chế của nhà nước) luôn bị tàn phá ; do đó hầu như tất cả các triều đại đều có chính sách thu thập các tài liệu, giấy tờ, sách vở ghi chép... để đưa vào thư viện. Có thể là kho bí thư các; có thể là kho của Quốc sử quán... Xu hướng thư viện tư nhân, các kho sách được tập trung vào thư viện của nhà nước mang tính chất quốc gia trở thành một xu hướng phổ biến.

Mối quan hệ giữa thư viện nhà nước với thư viện trường học, thư viện, tủ sách tư nhân rất khăng khít, xâm nhập lẫn nhau.

Đặc điểm đáng chú ý là thư viện nhà nước ở thời kỳ phong kiến thường là cơ sở mang tính chất tổng hợp – vừa tổ chức xuất bản – vừa tàng trữ – vừa lưu hành. Tính chất đó xuyên suốt từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX.

Thư viện nhà nước đã sớm được tổ chức, và đã thể hiện tính giai cấp của nó khá rõ rệt. Trước hết là về đối tượng: đối tượng sử dụng thư viện là vua chúa, quan lại trong triều đình ; rồi thứ đến con các vua chúa quan lại, những thái học sinh. Đối tượng sử dụng thư viện quốc gia dần có được mở rộng hơn, bao gồm cả các tầng lớp con em nhân dân thi trúng tuyển vào được Quốc tử giám. Có thể nói đối tượng sử dụng thư viện nhà nước chủ yếu là giai cấp thống trị.

Nhà nước không xây dựng một thư viện nào dành cho quảng đại quần chúng. Tuy nhiên chúng ta cũng phải đánh giá với quan điểm lịch sử ; vào thời điểm đó, số người có trình độ, có kiến thức được học hành cũng còn rất hạn chế.

Thư viện nhà nước, mặc dầu hình thành từ lâu đời ; song đặc điểm của lịch sử Việt Nam là một nước có chiến tranh liên miên (kể cả ngoại xâm và nội chiến) nên thư viện nhà nước ở

https://tieulun.hopto.org

Việt Nam cũng luôn ở tình trạng có biến động; luôn bị phá hủy rồi lại tập trung và quá trình đó diễn đi diễn lại hàng chục thế kỷ.

Vì vậy mặc dù việc tàng trữ kinh sách ở nước ta đã có gần một ngàn năm, nhưng cho đến nay, không còn một thư viện cổ nào trong thời kỳ phong kiến.

2 — Thư viện trong các chùa chiền.

Thế kỷ X đạo Phật ở nước ta đã vào thời kỳ cực thịnh, khắp đất nước đâu đâu cũng thấy chùa chiền sư sãi. Đạo Phật trở thành quốc đạo; một đội ngũ tăng lữ, trí thức khá đông đảo được coi là giường cột của nhà nước; đồng thời họ cũng đóng góp một phần vào việc phát triển văn hóa, giáo dục.

Sách kinh Phật, chủ yếu từ nước ngoài đưa vào đã được tổ chức cho chép, khắc ván, in phổ biến cho sư sãi học. Bên cạnh những sách kinh nước ngoài nhập vào; số sách kinh chép tay và in ở trong nước đã ngày càng nhiều. Vào đời Lý, nghề khắc ván in (theo lối bản gỗ) cũng đã xuất hiện, nhưng chủ yếu phục vụ nhà chùa in kinh.

Từ năm 937 nhà Đinh cho dựng 100 cột đá khắc kinh Đại Tràng, thiết nghĩ đó là một pho kinh lớn nhất, đồng thời cũng là một cơ sở truyền bá phổ biến rộng rãi nhất kinh Phật từ trước tới giờ. Chỉ riêng năm 1031 triều đình đã cho xây dựng 950 chùa quán. Trong các chùa này, có nơi sư lên tới hàng trăm người. Nói riêng về mặt kinh sách, thì họ vừa là người chép kinh (xuất bản) vừa là người sử dụng, *Nhà chùa vừa là nơi xuất bản, vừa là nơi tàng trữ và luân chuyển sách kinh*. Xét trên những yếu tố có tính chất thuộc chức năng của thư viện, thì những cơ sở này có thể xem là những thư viện của tôn giáo. Đó cũng là một hình thức có tính phổ biến trên thế giới. Dưới dạng thư viện để kinh sách cho các sư học, và do các sư tự xuất bản; với con số chùa chiền trong nước ta thời bấy giờ, số thư viện này không phải nhỏ, theo nhà sử học Lê Văn Hưu thì... « Nhân dân quá một nửa là sư sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa » (1).

Ngoài việc chứa kinh, học kinh, chép kinh tại các chùa chiền khắp nơi trên đất nước, nhà nước còn dựng lên xây dựng những cơ sở tàng trữ lớn tập trung các sách kinh quý. Năm 1011, Lý Thái Tổ cho dựng nhà *Tàng thư Trần Phúc*. Đến năm 1018, nhà vua lại sai Nguyễn Đạo Thành và Phạm Hạc sang lấy kinh Tam

1. *Sách đã dẫn.*

https://tieulun.hopto.org

Tạng (Tripitaka) đem về để vào *Thư viện Đại Hưng*. Như vậy thư viện này chắc chắn phải được xây dựng từ trước ; và đây có lẽ chỉ là một trong các cơ sở tàng trữ kinh khác có trong nước lúc đó. Năm 1021, vua Lý Thái Tổ lại cho dựng *Nhà tàng kinh Bát Giác*. Đến năm 1023, vua cho viết lại kinh Đại Tạng và cho trữ tại nhà tàng kinh Đại Hưng. Đến năm 1034, Lý Thái Tông cho dựng nhà *Tàng thư Trùng Hưng*. Về đời Lý chỉ trong vòng hơn 20 năm, theo sử liệu để lại chúng ta thấy đã xây dựng tới 4 cơ sở lớn để chứa kinh sách. Đó là những thư viện lớn dưới dạng của tôn giáo do nhà nước dứng ra xây dựng, tổ chức. Như vậy thư viện của Phật giáo lúc này tồn tại song song hai hệ thống, một hệ thống rộng rãi do nhân dân xây dựng ; một hệ thống khác quy mô lớn hơn, đó là các kho kinh do nhà vua cho xây dựng. Ở thời Lý các thư viện kinh sách được phát triển mạnh cũng một phần là do các đời vua nhiều người đã từng đi tu ; như vua Thái Tông, Thánh Tông, Cao Tông, Huệ Tông.

Đời Trần, Phật Giáo không còn giữ vai trò độc tôn như thời Lý, đạo Phật đạo Lão, đạo Nho cùng tồn tại. Nhà nước đã mở khoa thi Tam giáo.

Tuy nhiên đạo Phật vẫn còn ảnh hưởng lớn trong đời sống tinh thần và đời sống văn hóa của nhân dân. Năm 1295, vua Trần Anh Tông cho lấy kinh Đại Tạng của Tống đem về, bản chính để ở *Thiên Trường phủ kinh tàng*. Sau đó cho đem khắc ván in rồi phổ biến rộng rãi. Các vua Trần cũng còn rất sùng đạo Phật; nhiều người trong hoàng tộc như Tuệ trung thượng sĩ Trần Quốc Tảng, vua Anh Tôn, Nhân Tôn đều có nhiều công trình nghiên cứu, phổ biến đạo Phật. Ở đời Trần cũng có nhiều cao tăng như Pháp Loa, Huyền Quang đều chuyên học thiền theo Pháp môn Vô ngôn thông và xướng lập phái Trúc Lâm thiền học. Những bộ sách được phổ biến rộng rãi trong các chùa thời đó là các loại kinh Vô lượng thọ; Quan vô lượng thọ, A di Đà, kinh Pháp hoa kinh, Phật đi giáo kinh...những sách giảng giải về đạo Phật như Phật bảo, Tăng bảo, Ngữ giới, lục độ. Những kinh sách của đạo Phật có đến hơn 300 bộ. Ngoài ra ở đời Trần còn có những sách do các cao tăng viết để phổ biến, giảng dạy về đạo Phật cho các tăng ni như sách Trần Triều Tuệ trung Thượng sĩ ngữ lục; Tam tổ thực lục; Thiền uyển kế đăng lục... Pháp Loa là vị tổ thứ hai trong phái Trúc Lâm (1284 — 1332) Pháp Loa đã cùng vua Anh Tôn coi việc đúc tượng in kinh và lấy Quỳnh Lâm viện làm nơi thường trụ. Vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm là Huyền Quang đại sư đã đỗ Trạng

https://tieulun.hopto.org

nguyên, hễ có Bắc sứ sang, những văn từ văng lai đều do đại sư thảo. Đại sư học rộng biết nhiều, tinh thông đạo lý, tăng ni theo học có hàng nghìn người. Nhà vua có sắc lệnh cho được truyền những kinh phẩm, khảo văn do nhà sư soạn ra: vua cho khắc mà in để truyền cho đời sau.

Đời Lê có Lân giác thượng sĩ Trịnh Thập là con chúa Trịnh (1698 — 1733) lập nhiều chùa chiền; có Đỗ Đa lưỡng quốc hòa thượng, tức tính tuyền Trạm công. Hòa thượng sang Quảng Châu học 3 năm lên chức Hòa thượng mới về, đem theo kinh Luật và Luận 300 bộ, tất cả hơn nghìn quyển; Hòa thượng đem những kinh Luật để ở chùa Căn An. Hòa thượng đem tứ phận luật truyền ra các nơi.

Thư viện trong các nhà chùa thời kỳ phong kiến chủ yếu chứa sách kinh nhà Phật; tuy nhiên ngoài các bộ kinh Phật, các sách bàn về đạo Phật, các truyện nhà Phật, còn có nhiều trứ tác thơ văn của các danh sư ngâm vịnh.

Đặc điểm thư viện của chùa chiền cũng như thư viện nhà nước vẫn mang tính tổng hợp: vừa là nơi xuất bản, vừa là nơi phổ biến (bao gồm cả chức năng của việc giảng dạy và học tập), vừa là nơi tàng trữ.

Các thư viện chùa chiền chủ yếu được tập trung do nhà nước xây dựng, có kho chứa sách lớn, đa số là ở giai đoạn Lý, Trần. Đến giai đoạn Lê, Trịnh, Nguyễn, Phật giáo không còn được sùng bái như xưa. Phật giáo không còn là một tôn giáo duy nhất, mà bên cạnh đó có nhiều thứ tôn giáo khác lôi cuốn tín đồ của Phật giáo như: Đạo Cao Đài, Đạo Lão, Đạo Thiên chúa... Các thư viện nhà chùa trên cơ sở xã hội đó mà cũng điêu tàn theo, không những không được củng cố phát triển, mà thư viện thì theo quy luật cũng tự hao mòn, hủy hoại, nếu không có sự chăm sóc, tu bổ thường xuyên.

3 — Tủ sách và thư viện tư nhân.

Thư viện và tủ sách tư nhân ở nước ta là nguồn bổ sung vô tận và thường xuyên cho các kho sách thư viện nhà nước.

Các thư viện, tủ sách gia đình tàng trữ những trứ tác của cha ông, của dòng họ; coi như bảo vật lưu truyền từ đời này đến đời khác. Do đó nội dung tủ sách gia đình bao gồm từ gia phả, sắc phong, đến các bộ kinh sử để học; những tác phẩm thi văn của gia đình, hoặc chép thi văn của các tác giả khác mà ngâm vịnh... Nếu như nội dung kho sách của nhà nước là những sách

https://tieulun.hopto.org

kinh truyện, các sách tiêu biểu cho tư tưởng chính thống, chủ yếu bằng chữ Hán, thì tủ sách gia đình, thư viện gia đình phong phú cả về nội dung và đa dạng về hình thức.

Trong các thư viện, tủ sách gia đình, ngoài các tác phẩm kinh sử, gia phả, còn bao gồm nhiều trứ tác không được phổ biến rộng rãi, hoặc đã phổ biến rộng rãi mà không được (hoặc chưa được) nhà nước kiểm duyệt và cho phép xuất bản. Thậm chí và cũng là phổ biến là chứa nhiều sách mà nhà nước còn cấm tàng trữ và lưu hành. Trường hợp các tác phẩm của Nguyễn Trãi được sưu tập lại sau 25 năm có lệnh tiêu hủy, và cấm tàng trữ, lưu hành là một chứng minh rõ nhất về *tính nhân dân* của thư viện gia đình và tủ sách gia đình.

Tính nhân dân trong thư viện gia đình và tủ sách gia đình là một *tính chất mang tính quy luật* của mỗi nền văn hóa. Thư viện nhà nước tàng trữ sách chính thống, thì thư viện tủ sách của nhân dân bảo tồn, truyền bá tiếng nói của quảng đại quần chúng, nói lên tâm tư nguyện vọng của quần chúng; nói lên quan điểm, thái độ của quần chúng trước các sự kiện lịch sử. Thái độ của quần chúng đối với các nhân vật lịch sử, họ có cách đánh giá phù hợp với quy luật tiến bộ xã hội, khác với thái độ của giai cấp thống trị.

Ngoài sự khác nhau về tính chất, nội dung kho sách, về hình thức ngôn ngữ, *các thư viện, tủ sách gia đình là cái nôi bảo dưỡng, phát triển văn tự Nôm*. Chúng ta biết cho đến thế kỷ XVIII, nhà nước tiến bộ đầu tiên của Quang Trung, chữ Nôm mới được coi là văn tự chính thống của dân tộc, mới được dùng trong các văn kiện của nhà nước, và dịch kinh sách chữ Hán ra chữ Nôm để phổ biến học tập. Nhưng chữ Nôm đã có một quá trình phát triển ít nhất là 5 thế kỷ trước đó.

Chữ Nôm đã được sử dụng rộng rãi trong quần chúng, trong các nho sĩ, sự phát triển và hoàn thiện của nó đến thế kỷ XVIII, XIX là kết quả của quá trình phát triển độc lập; tồn tại song song với thứ văn tự chính thống là Hán tự. Không phải ngẫu nhiên mà đến thế kỷ XVIII – XIX hàng loạt truyện Nôm ra đời. Nhiều tác phẩm có ý nghĩa lớn lao cả về mặt tư tưởng và giá trị cao cả về mặt nghệ thuật. Ngôn ngữ trong nhiều tác phẩm đã được sử dụng đến mức diêu luyện có những tác phẩm ngôn ngữ trau chuốt trở thành những áng văn mẫu mực trong nền văn học cổ điển của nước nhà. Thái độ của giai cấp thống trị đối với chữ Nôm, tuy mỗi thời đại không giống

https://tieulun.hopto.org

nhau, song nói chung sách chữ Nôm không phải là đối tượng bổ sung vào trong các thư viện nhà nước. Thái độ của các triều nhu Trịnh, Nguyễn không những không dùng mà còn cấm đoán. Thời Cảnh Trị, 47 điều giáo hóa của chúa Trịnh cấm sách Nôm, lại được diễn Nôm để phổ biến rộng rãi (!) Xin dẫn ra ít đoạn sau đây :

Ngũ kinh chi sử xưa nay
Với Chư tử tập cũng rày văn chương
Dạy còn có ích đạo thường
Mới nên san bản bốn phương thông hành
Kỳ như thích đạo phí kinh
Lời tà mới lạ tập tành truyện ngoa
Cũng là truyện cũ Nôm na
Hết thơ tập ấy lại ca khúc này
Tiếng dâm dễ khiến người say
Chớ cho in bản hại nay thói thần (1).

Mặc dù chính quyền họ Trịnh ra lệnh tịch thu và cấm in sách Nôm, triều Nguyễn cũng ra sức cấm đoán những tác phẩm thể hiện tinh thần dân tộc, nhưng thơ văn tiếng Việt được viết ra bằng chữ Nôm vẫn không ngừng phát triển. Một bằng chứng về sự bất lực của chính quyền đối với chữ Nôm là phải diễn bằng chữ Nôm để cấm chữ Nôm! Đó cũng là xu thế phát triển có tính quy luật của ngôn ngữ dân tộc, văn học dân tộc. Với sự cấm đoán khắc nghiệt của các triều đại, với sự hủy diệt của thời gian, các tác phẩm Nôm còn lại đến tay chúng ta ngày nay là nhờ ý thức bảo tồn của cha ông ta lưu giữ giấu giếm trong các tủ sách gia đình. Sự lưu giữ tàng trữ đó có thể nguy hiểm đến tính mạng, đến gia đình song các sách quý đó vẫn được truyền bá rộng rãi, được tạo lại từ đời cha đến đời con. Sức sống mãnh liệt của nền văn hóa dân tộc thể hiện ở khía cạnh này thực là rõ nét. Chính vì tính chất của kho sách trong các gia đình thể hiện tính nhân dân, tính giai cấp như vậy, nên thư viện gia đình, tủ sách gia đình nổi bật nhất là tính nhân dân, tính dân tộc, ngoài ra tính quần chúng cũng là đặc điểm đáng lưu ý.

Thư viện nhà nước chủ yếu dành cho vua chúa, quan lại và học trò đã qua thi cử. Tính giai cấp của thư viện nhà nước thể hiện không những trong nội dung, hình thức của kho sách mà ngay trong đối tượng phục vụ của nó.

Còn thư viện chùa chiền, sách kinh phục vụ cho tăng lớp tăng ni, đối tượng của nó bị quy định, hạn chế. (Mặc dầu có thời đối tượng này chiếm một nửa dân số trong cả nước).

---

1. Dẫn theo Nghiên cứu Lịch sử số 53, 1964, tr 11.

https://tieulun.hopto.org

Do vậy thư viện và tủ sách gia đình, có thể nói hơi quá đi là *thư viện do dân, cho dân, vì dân*. Những thư viện này nằm rải rác khắp nơi trên đất nước, phần lớn của các nho sĩ hoặc bất mãn không làm quan ở nhà dạy học, hoặc bỏ làm quan về nhà mở trường dạy học. Đó cũng là chuyện khá phổ biến trong giai đoạn này. Bên cạnh đó cũng có một số thư viện của ông hoàng, bà chúa và một số quan lại.

Điểm lại trong lịch sử, từ thế kỷ thứ XIV, đã có nhiều nho sĩ nổi tiếng, mở trường dạy học như Chu Văn An, nhà sư phạm nổi tiếng (1370) không làm quan, dạy học, học trò theo học rất đông. Thế kỷ XV có Nguyễn Ứng Long người làng Nhị Khê, Thường Tín, cha của Nguyễn Trãi, Nguyễn Thời Trung, là những người thầy nổi tiếng có mở trường lớp, đào tạo nhiều người đỗ đạt. Đặc biệt ở thế kỷ XVIII, XIX các nho sĩ mở trường dạy học rất nhiều như Ngô Thì Ức, Đoàn Thị Điểm, Phan Huy Ích, Đặng Đức Siêu, Phan Huy Chú ở nhà dạy học và làm sách. Ngô Thế Vinh, làm quan bị cách chức về nhà dạy học. Nguyễn Văn Siêu, xin cáo quan về ở phường Dũng Thọ, xây một lớp nhà vuông để giảng sách, học trò theo học rất đông.

Các trường học này đều có thư trai để đọc sách, viết sách; đó là tủ sách của thầy, và chắc chắn phải có kinh sách cho học trò. Một thư viện hoặc một tủ sách của các lớp học đó phải có đầy đủ tứ thư, ngũ kinh, các bộ sử lớn, các phương pháp viết văn, làm thơ (Đường luật, Tống luật) các loại sách mà trong các thư viện nhà nước đều có. Ngoài các loại kinh sử còn có các sách về điển chương của nhà nước, các loại sách mà ở các kỳ thi có sát hạch. Ví dụ trong năm 1475 thời Lê, có những kỳ thi dành riêng cho việc kiểm tra học vấn quan lại, và những kỳ thi lựa chọn nhân viên hành chính có các môn thi viết chữ và làm toán. Như vậy, một bộ phận của kho sách này là những loại sách phổ biến, có thể là những bản khắc ván in cho đông đảo người sử dụng; cũng có thể đó là những bản chép tay của thầy hoặc của trò. Ở Việt Nam chúng ta tình trạng chép tay kéo dài hàng chục thế kỷ; với phương pháp nhân bản này đã gây cho chúng ta nhiều khó khăn trong việc xác định văn bản học. Do tình trạng này mà ngày nay chúng ta có nhiều dị bản của một tác phẩm. Một bộ phận khác của kho sách đáng được chú ý; đó những tác phẩm chỉ phổ biến trong nhân dân mà trong kho sách của nhà nước không có. Cũng có những tác phẩm do các nho sĩ ngâm vịnh, tự in hoặc chép tay, không phổ biến mà chỉ dành cho bạn bè, nhiều tác phẩm

https://tieulun.hopto.org

chúng ta tìm được trong các tủ sách gia đình là những bài thơ những đoạn văn các nho sĩ đề tặng nhau, viết cho nhau; hoặc giả họ viết để nói lên nỗi ưu ái của mình trước cuộc đời. Những tài liệu này thường không nhiều bản, có khi chỉ là một bản duy nhất trong tủ sách của một dòng họ. Trong kho sách của thư viện gia đình còn chứa cả những sách bị cấm, hoặc tàng trữ cả những bộ sách có lệnh phải thiêu hủy. Trường hợp này cũng không phải là không phổ biến trong các thư viện của các nhà nho.

Trong các thư viện gia đình, ngoài việc tổ chức kho sách nhiều gia đình còn cho khắc ván in sách của gia đình và các sách của các tác giả khác. Một số thư viện gia đình tàng trữ nhiều sách quý nổi tiếng như *Thư viện Long Cương* của nhà Cao Xuân Dục. Một số sách còn lại đến nay như: «Hương khoa lục», «Khoa bảng lục»... còn có chữ «Long Cương tàng bản» ở trong sách. Hoặc tủ sách của nhà họ Bùi thì trong sách còn ghi «Tồn Am tàng bản», «Hy văn đường» như sách «Hoàng Việt thi tuyển» của Bùi Huy Bích. Một số thư viện của các danh gia khác cũng rất lớn, được tổ chức tốt như thư viện Chi Trai của Lê Nguyên Trung, thư viện của gia đình Ngô Thời Sĩ ở Tả Thanh Oai, với tủ sách nổi tiếng của «Ngô gia văn phái» bao gồm nhiều thơ văn, truyện, sử... thư viện của gia đình Lê Quý Đôn ở Duyên Hà, Thái Bình.

Vai trò của tủ sách gia đình trong việc tàng trữ, nhân bản bằng cách chép tay hoặc khắc ván in cho xuất bản (như Hy văn đường, Hải học đường...) rất quan trọng. Nhiều tài liệu còn lại đến ngày nay chỉ có một bản duy nhất mà thôi. Song ngược lại cũng có những tác phẩm được sao chép do nhiều nguồn sách ở các gia đình, ở nhiều thời đại khác nhau, nên chúng ta lại phải đứng trước hàng loạt dị bản mà xác định về mặt văn bản học để có thể tiến tới gần với nguyên tác.

Vai trò của thư viện, tủ sách gia đình trong suốt thời kỳ phong kiến, và cho đến nay vẫn là một nguồn bổ sung cho kho sách của nhà nước, góp phần làm sáng tỏ giá trị của nền văn hóa dân tộc.

Trong quá trình sưu tập tài liệu để viết sử, các triều đại đã có những chủ trương tích cực, mềm dẻo để khai thác tài liệu còn được tàng giữ ở các thư gia. Các nhà nghiên cứu sưu tập, biên soạn các bộ hợp tuyển của các triều đại cũng phải tìm đến các thư viện, tủ sách gia đình mà sao chép hoặc mượn, hoặc mua... Xét trong lịch sử, từ đời Lê đã liên tiếp hạ chiếu thu thập sách

https://tieulun.hopto.org

vở, trường hợp của Nguyễn Trãi, được Dương Bá Cung đã để tất cả tâm sức tìm hỏi tài liệu từ nam chí bắc, nhặt nhạnh giấy tờ còn sót lại trong các gia đình, hàng chục năm như vậy mới có được « Ức Trai di tập » để lại cho chúng ta ngày nay. Lê Quý Đôn trong lời tựa « Nghệ văn chí » cũng đã than thở :

« ... Có đến nỗi đâu như những điển chương giấy tờ của triều ta (Lê) dưới thời từ Trung Hưng về trước cũng đều không còn gì nữa, cùng chung số phận như sách của thời Lý, Trần. Vì vậy, tôi trộm thấy cảm kích. Nay theo sử cũ đã chép và *theo sách riêng của các nhà còn truyền lại* sao lấy các tên sách, kể từ đầu đời Lê Trung Hưng...»(1).

Trường hợp của Hoàng Tụy Phu và Nguyễn Trũ, khi biên soạn «Quần hiền phú tập» thì Hoàng Tụy Phu xem bản cũ của thư phường tan nát cả, sau phải dựa vào bản sao của nhà Nguyễn Đức Quý đem về hiệu đính và chú giải.

Về số lượng thư viện, chỉ riêng trong một địa phương là Hà Tĩnh, theo Ninh Viết Giao trong « Thư tịch cổ, nhiệm vụ mới » trang 6 đã cho biết : « Trước đây ở Nghệ Tĩnh nhiều gia đình có các thư viện với khối thư tịch Hán Nôm khá đồ sộ. Tiêu biểu nhất là thư viện của gia đình Cao Xuân Dục ở Diễn Châu. Bên cạnh đó bao thư viện của gia đình họ Phan ở Xuân Tiên, Yên Thành, của gia đình họ Nguyễn Thúc ở Đông Chữ ; họ Hoàng ở Đông Hải; họ Đinh ở Kim Khê, Nghi Lộc ; họ Ngô ở Lý Trai ; họ Nguyễn Trung ở Hà Cát ; họ Đặng ở Nho Lâm, Diễn Châu ; họ Nguyễn Tài ở Thượng Thọ; họ Tôn ở Võ Liệt, Thanh Chương ; họ Nguyễn Đức ở Thanh Sơn ; họ Nguyễn ở Hồ Hiệu, Nam đàn ; họ Ngụy ở Xuân Viên, Nghi Xuân ; họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu, Can Lộc... đều nhiều thư tịch Hán, Nôm. Trừ kinh sử ra, những kẻ cứu trước tác của các cụ thường được bảo lưu trong các gia đình như vậy».

Về tình hình sách Hán, Nôm hiện nay còn nằm trong các thư viện gia đình, ở Huế, được Lê Văn Hảo cho biết :

« Phòng tư liệu khoa Văn Sử trường Đại học Sư phạm ở Huế mới tận hợp được 250 cuốn phần lớn là sách ở thư viện của bà Nguyễn Đình Chi ở Kim Long tặng Đại học tổng hợp Huế.

Các đình, chùa, đền, từ đường lớn ở Huế còn giữ nhiều tấm văn bia, mộc bản, kinh Phật thần tích, thần phả của Trung Quốc và Việt Nam... ví dụ từ đường của Tùng Thiện Vương gần Bến

---

1. Lê Quý Đôn. Toàn tập. T.III, H:Nxb Khoa học xã hội, 1978. Tr. 102.

https://tieulun.hopto.org

Ngự ; tủ đường của Tuy Lý Vương ở Vĩ Dạ còn giữ được một số gia phả và một số mộc bản.

Các gia đình nho học cũ, các gia đình con cháu các vua Nguyễn, các ông hoàng, bà chúa còn giữ sách Hán Nôm, có nhà vài chục cuốn, có gia đình vài trăm cuốn, tổng số có thể lên đến hàng nghìn cuốn ». (Sách đã dẫn, tr. 67).

Tình hình các thư viện gia đình ; ở các địa phương nơi nào cũng có, có nơi đã được chú ý khai thác sử dụng như các tỉnh Hải Hưng, Thái Bình, Hà Tây. Các tỉnh này đã khai thác các kho sách của các gia đình trong địa phương, hoặc thu thập về thư viện tỉnh, hoặc mượn, hoặc mua để phục vụ việc học tập, nghiên cứu hiện này.

Những công trình thư mục như « Danh nhân Hải Hưng », « Danh nhân Hà Tây », thư mục Lê Quí Đôn là những công trình của các địa phương, phản ánh kho thư tịch cổ của các thư viện gia đình ở các địa phương đó. Tuy nhiên, không phải trong các công trình đó chỉ phản ánh tài liệu của địa phương mà còn có nhiều tài liệu phải khai thác ở Trung ương.

Nghiên cứu thư viện, tủ sách của các gia đình ở Việt Nam, chúng ta không thấy sử sách nói đến các kho sách đồ sộ, những thư viện lớn của các ông hoàng, bà chúa, của các công hầu khanh tướng như ở nhiều nước trên thế giới. Phần lớn các thư viện này là của giai cấp thống trị. Các thư viện riêng của nhà vua, quận công, hầu tước phần lớn sau trở thành thư viện nhà nước.

Đặc điểm thư viện của tư nhân ở Việt Nam, chủ yếu là của những người thuộc tầng lớp nho sĩ không có chức tước, bổng lộc ; hoặc những người cáo quan về dạy học. Những người này trong tư tưởng họ có nhiều điểm phù hợp với quan điểm của quần chúng hơn, phần nào có đối lập với tư tưởng của giai cấp thống trị đương thời. Họ tự tổ chức chép sách, in sách, mua sách, giữ sách cho bản thân mình dùng ; cho học trò và cho con cháu sử dụng. Chính vì vậy mà chúng ta không thể chỉ nhìn nhận giá trị của các thư viện này chỉ bằng những sách quí hiếm ; mà phải thấy giá trị của nó nổi bật lên ở nội dung kho sách : nội dung đó phản ánh quan điểm của những người tổ chức thư viện, đó là quan điểm dân tộc, quan điểm tiến bộ ; phù hợp với quy luật phát triển lịch sử.

https://tieulun.hopto.org

Lịch sử thư viện ở Việt Nam đã có một quá trình phát triển lâu dài, được xây dựng trên nền tảng một nền văn hóa độc lập, thể hiện tinh thần dân tộc, tính giai cấp, tính nhân dân khá rõ nét.

Thư viện ở Việt Nam, cũng theo quy luật phát triển chung của thế giới với sự ra đời của thư viện tôn giáo-sớm hơn. Thư viện tôn giáo ở Việt Nam có hai hệ thống, một hệ thống do các vua chúa xây dựng, những thư viện này thường là những kho chứa kinh lớn, số sư sãi tu hành học tập cũng đông. Nhưng khác với các thư viện của nhiều nước trên thế giới là mặc dù thư viện do các vua chúa xây dựng, nhưng không phải chỉ dành riêng cho họ, mà thư viện mang tính chất là thư viện của nhà nước. Một hệ thống thư viện khác do nhân dân tự tổ chức, các thư viện này nhỏ hơn, nằm rải rác khắp nơi trên đất nước, từ đồng bằng đến các nơi xa xôi hẻo lánh. Số lượng các thư viện này cũng khá lớn (có giai đoạn mà trong nước đâu đâu cũng có chùa chiền, nhân dân quá nửa là sư sãi).

Thư viện nhà nước ở Việt Nam, hiểu theo nghĩa là thư viện do nhà nước dứng ra tổ chức, xây dựng thì cũng có hình thức là thư viện của nhà chùa (giai đoạn Phật giáo là quốc giáo); hình thức thư viện trường học, và hình thức thư viện của triều đình (thường là dưới dạng thư viện của nhà vua).

Ngoài thư viện của chùa chiền, thư viện nhà nước là những nơi tàng trữ thư tịch một cách quy mô, mang tính chất chính thống, tiêu biểu cho mỗi thời đại xã hội nhất định. Thư viện và tủ sách của các gia đình cũng là những cơ sở tàng trữ rất quan trọng. Như đã trình bày ở phần trên, ngoài một số những thư tịch có trong kho thư viện nhà nước, ngoài một số kinh sách học phổ biến để thi cử; một bộ phận sách vở chỉ lưu hành trong nội bộ một số gia đình. Đó là những tài liệu ghi chép về dòng họ của gia đình (có những gia phả của dòng họ ghi lại những điều bí mật về sự đổi tên đổi họ của gia đình vì một lý do nào đó. Như trường hợp dòng họ của nhà Nguyễn Trãi; cho đến nay, nhờ dựa vào một số gia phả có liên quan chúng ta đã tìm đến được nguồn gốc dòng họ của Nguyễn Trãi, các con cháu của Nguyễn Trãi còn sống sót sau vụ án Lệ chi viên). Đó cũng là những tài liệu cấm không cho phép in, không cho phép lưu hành, cấm tàng trữ. Trong những tài liệu đó, các tác phẩm chữ Nôm có một giá trị đặc biệt trong quá trình phát triển tiếng nói

https://tieulun.hopto.org

của dân tộc. Thư viện gia đình ở Việt Nam chỉ là những thư viện nhỏ, song nó lại là cơ sở chính để quần chúng sử dụng; đối tượng là các nho sĩ học trò ở mỗi địa phương, ở mỗi trường học của các danh nho. Thư viện và tủ sách gia đình ở Việt Nam có thể nói đó là cơ sở bảo tàng cho mỗi danh nhân, nguồn lưu trữ để khai thác nghiên cứu về đời sống, về sự nghiệp; các trứ tác của mỗi tác giả. Do cơ sở lưu trữ của Nhà nước luôn bị mất mát và nhiều tài liệu cũng không đưa vào kho thư viện của nhà nước, nên thư viện và tủ sách của gia đình là một trong những cơ sở có khả năng cung cấp được những tài liệu cần thiết cho việc nghiên cứu.

Nghiên cứu sự nghiệp thư viện Việt Nam trong thời kỳ phong kiến, chúng ta đã nghiên cứu trên các mặt của mối quan hệ giữa sự phát triển của việc in, xuất bản thư tịch với việc tổ chức xuất bản thư tịch và tổ chức tàng trữ thư tịch. Chúng ta đã nghiên cứu cả về hình thức và nội dung của sự phát triển các thư tịch, sự phát triển của công tác xuất bản thư tịch về số lượng và về giá trị khoa học; nội dung kho sách của các dạng thư viện ở mỗi giai đoạn lịch sử. Trong mỗi quan hệ đó, chúng ta đã nghiên cứu mối quan hệ, vai trò của nhà nước phong kiến đối với sự nghiệp thư viện. Mối quan hệ giữa thư viện của tôn giáo, thư viện trường học, thư viện tư nhân; thư viện của triều đình, sự tác động, bổ sung lẫn cho nhau và nghiên cứu về mục đích, tính chất, đối tượng của các hình thức thư viện này.

Nghiên cứu sự nghiệp thư viện trong thời kỳ phong kiến, chúng ta không thể điểm từng thư viện, tính toán chính xác về số lượng thư viện, số lượng thư tịch... Căn cứ vào sự phát triển xã hội ở từng thời kỳ, căn cứ vào các sử liệu còn lại mà nghiên cứu về sự phát triển của các hình thức thư viện, các dạng tổ chức thư viện trong gần 10 thế kỷ.

*

Một vấn đề nữa cần được nghiên cứu trong đề tài này là những cơ sở lý luận tổ chức thư viện, thư mục, những vấn đề về cơ sở kỹ thuật thư viện, tổ chức kho sách, vấn đề tổ chức sử dụng sách, vấn đề đọc sách trong thời kỳ này

https://tieulun.hopto.org

III – NHỮNG CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THƯ VIỆN VÀ THƯ MỤC Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ PHONG KIẾN.

Thư viện Việt Nam tuy được hình thành và phát triển sớm song lý luận về thư viện mà ngày nay chúng ta được biết thì thế kỷ XVIII, XIX mới có những công trình về phân loại, những công trình thư mục.

Kho sách của các thư viện nhà nước, trải qua nhiều biến động, việc tổ chức, sắp xếp sách ở mỗi giai đoạn được quan tâm khác nhau. Nhưng nhìn chung, trong phương pháp phân loại sách, sắp xếp sách dựa trên phương pháp Tứ bộ (kinh, sử, tử, tập). Phương pháp này được đặt ra và dùng ở Trung Quốc từ thế kỷ XV cho đến thế kỷ XIX. Tuy nhiên, áp dụng vào thư viện Việt Nam, những nhà lý luận nghiên cứu cũng đã có những sáng tạo.

Trong kho thư tịch của cha ông còn để lại đến ngày nay, chúng ta chỉ tìm được một số công trình vừa mang tính thực tiễn; vừa mang tính lý luận. Đó là bộ « Vân đài loại ngữ » của Lê Quí Đôn, và hai thiên « Nghệ văn chí » « Văn tịch chí » trong hai bộ sử lớn ở thế kỷ XVIII, XIX của hai nhà sử học là Lê Quí Đôn và Phan Huy Chú. Trong hai thiên thư tịch này đã thể hiện quan điểm phân loại sách, sắp xếp sách của các ông.

Ngoài các công trình này, còn có một số thư mục dưới triều Nguyễn mang tính chất mục lục kho sách như :

Tàng thư lâu bạ tịch,
Tấm thư viện thư sách
Nội các thư sách
Nội các thư mục
Đông các tôn tri các bộ thư tổng mục.
Sử quán thư mục.
Tụ khuê thư viện tổng mục
Cổ học viện thư tịch
Hoàng Lê tứ khố thư mục.
Hoàng Nguyễn tự khố thư mục...

https://tieulun.hopto.org

Về lý luận phân loại, chúng ta có thể nghiên cứu tác phẩm « Vân đài loại ngữ » của Lê Quí Đôn.

Lê Quí Đôn, tự là Doãn Hậu, hiệu là Quế Đường, sinh năm Bảo Thái thứ 7 (1726) ở xã Diên Hà, tỉnh Sơn Nam, nay là tỉnh Thái Bình, năm Cảnh Hưng 13, (1752) Thi Hội đỗ đầu, thi đình cũng đỗ đầu (Bảng nhãn) tức Tam nguyên. Lê Quí Đôn được bổ nhiệm chức thụ thư ở viện Hàn Lâm năm 1754, sau khi đi sứ ở Trung Quốc về, ông được cử giữ chức học sĩ ở Bí thư các. Năm 1765, Lê Quí Đôn được cử đi giữ chức tham chính ở Hải Dương, ông từ chối rồi xin về nhà, đóng cửa làm sách. Lê Quí Đôn là tác giả của nhiều tác phẩm như : Phủ biên tạp lục, Kiến văn tiểu lục, Bắc sứ thông lục, Đại Việt thông sử, Vân đài loại ngữ, Quần thư khảo biện, Thánh mô hiền phạm lục, Tư kinh diễn nghĩa, Quế Đường thi tập, Âm chất văn chú, Toàn Việt thi lục... Trong những tác phẩm đó, «Vân đài loại ngữ» là một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông.

« Vân đài loại ngữ », theo thuật ngữ thư mục học của Trung Quốc thì đó là một bộ «loại thư». Bộ loại thư được phát triển ở Trung Quốc khá sớm, từ khoảng thế kỷ thứ III cho đến thế kỷ XVIII như các bộ « Hoàng Lãm của Lục Bốc và Hà Thừa Thiên, bộ « Nghệ văn loại tu » của Âu Dương Tư đời Đường, bộ « Cổ kim đồ thư tập thành » của Đời Thanh... Các sách ấy được chia thành nhiều môn loại, từ 40 đến 50 loại, trích biên từng đoạn, từng chương của các bộ sách cơ bản «Kinh, sử tử tập ».

«Vân đài loại ngữ » của Lê Quí Đôn là một thứ Bách khoa toàn thư, tập hợp và sắp xếp các tri thức về các môn loại khoa học như triết học, văn học, lý học... dưới 9 đề mục. Nói cách khác là ông phân chia sắp xếp các tri thức chứa trong kho sách thành 9 môn loại khoa học, như tên của chính tác phẩm. (Vân đài loại ngữ nghĩa là « Những lời nói thu thập được ở chốn vân đài, đem xếp theo từng loại »—Vân đài là nơi chứa sách, vì « vân » là một loại cỏ thơm, đem để vào trong sách vở thì trừ được sâu mọt).

Vân đài loại ngữ, tuy là một bộ thư nhưng không theo phép phân loại phiến toái như các loại thư của Trung Quốc, Lê Quí Đôn đã sắp xếp những điều đọc được trong sách và có ý kiến nhận định hoặc phê phán theo các vấn đề được xếp theo các môn loại như : Lý khí, hình tượng, khu vũ, vựng diễn, văn nghệ, âm tự, thư tịch, sĩ qui, phẩm vật, mà văn bao quát được toàn bộ.

Nói về giá trị của Vân đài loại ngữ, có thể dẫn lời của Trần Danh Lâm, tên tự là Khiêm Trai, đậu tiến sĩ khoa Tân hợi (1691),

https://tieulun.hopto.org

làm quan Nhập thị bởi tụng, Hình bộ thượng thư trí sĩ, tước Dư nhạc hầu, trong lời tựa ở nguyên bản :

« Vân đài loại ngữ chia làm 9 quyển, phân loại rành mạch, nghị luận rõ ràng : trên từ thiên văn, dưới đến địa lý, giữa là nhân luân, cái học cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, cái công tu thân, tề gia, trị nước, bình thiên hạ đều có đủ cả, có thể phát minh được nghĩa sâu xa các bậc tiền thánh và bắc cầu chỉ bến cho kẻ hậu học. Sau lục kinh (kinh thi, thư, lễ, nhạc, dịch, xuân thu) và Luận ngữ, Mạnh Tử, ông thật là người biết lập ngôn chăng ? ... Bậc tiên chính có nói rằng : «Thông hiểu cả các lý của Trời của Đất, của Người mới gọi là nho ». Bộ sách này của Lê Quý Đường có lẽ cũng gọi được là thông hiểu cả trời, cả đất, cả người chăng ? » — Bài tựa viết vào ngày 1-7-1777.

Về tư tưởng triết học, Lê Quý Đôn tuy đứng trên cơ sở vũ trụ luận của Tống nho và phát triển tương đối đặc sắc, Lê Quý Đôn giải quyết vấn đề lý khí một cách duy vật chủ nghĩa, nhưng cuối cùng lại rơi vào chủ nghĩa hỗn hợp nguyên thủy. « Tư tưởng khoa học của Lê Quí Đôn cũng xuất phát từ quan điểm duy vật luận để rồi đi đến mục đích luận và tiến hóa luận nguyên thủy» (1). Phương pháp phân loại khoa học của Lê Quí Đôn trong việc hệ thống các môn khoa học rất sáng tạo, đồng thời cũng thể hiện được quan điểm triết học tương đối tiến bộ. Việc phân loại sắp xếp theo một trình tự lô gích. Đó là cơ sở phân loại khoa học trong phân loại sách đầu tiên mà chúng ta còn thấy được trong kho thư tịch của chúng ta. Chúng ta không dám khẳng định đó là cơ sở phân loại sớm nhất của ta, song cho đến nay thì đó là căn cứ duy nhất của chúng ta về cơ sở lý luận phân loại.

Từ cơ sở phân loại khoa học như vậy, Lê Quí Đôn đã thể hiện tinh thần sáng tạo, gắn liền với thực tế của dân tộc trong việc tập hợp sắp xếp các loại sách ở thiên « Nghệ Văn chí » của bộ Đại Việt thông sử.

Đại Việt thông sử còn là Lê triều thông sử là một bộ sử viết theo thể kể truyện đầu tiên trong lịch sử sử học của Việt Nam. Đại Việt thông sử viết từ cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi ở Lam Sơn đến Lê Cung Hoàng làm bản kỷ và liệt truyện, còn các chí thì bắt đầu từ đời Lý Trần. Trong các loại chí, hiện nay chỉ còn thấy một chí là Nghệ văn chí, và chính Nghệ văn chí là công trình thư tịch đầu tiên trong lịch sử thư mục ở nước ta.

---

(1) Lê Quí Đôn. Vân đài ngoại ngữ. Cao Xuân Huy viết lời giới thiệu, tr. 41.

https://tieulun.hopto.org

«Nghệ văn chí» trong bộ lịch sử Lê triều thông sử được hoàn thành vào năm 1759 (tháng tám năm Cảnh hưng thứ 10 Kỷ tỵ) như vậy là tác phẩm đã hoàn thành sau mười năm. Trong thiên này, Lê Quí Đôn đã chia các tác phẩm mà ông đã thu thập được trong kho sách của nhà nước, trong các sử cũ đã chép, theo sách riêng của các nhà còn truyền lại, sao các tên sách kể từ đầu đời Lê Trung Hưng ngược lên đến triều Lý, chia thành bốn loại là

Hiến chương (16 bộ sách)
Thi văn (66 bộ sach)
Truyện ký (19 bộ sách)
Phương kỹ (14 bộ sách)

Thiên Nghệ văn chí của Lê Quí Đôn đã tập hợp sắp xếp sách trên cơ sở phân loại nội dung sách. Phần đầu ông xếp các sách thuộc về nhà nước, liên quan đến thể chế, luật pháp tiếp đến là các môn văn sử, rồi đến các môn khoa học tự nhiên. Trong các môn loại, các tác phẩm lại sắp xếp theo thứ tự thời gian. Các yếu tố thư mục đầu tiên được ghi lại như: Tên tác giả, tên sách, phụ đề (gồm mấy tập, mấy quyển). Lê Quí Đôn còn có phân tích sơ qua nội dung của sách, có lời phê bình nhận xét. Đặc biệt ông còn chú trọng đến tình trạng cuốn sách đó còn hay mất; ghi lại cụ thể; giúp chúng ta sử dụng nắm được toàn bộ tập sách theo thống kê và số còn lại. Có sách đã mất nhưng còn tên sách theo một cứ liệu nào đó ông cũng ghi lại để đời sau tiếp tục truy tìm. Lê Quí Đôn đã viết lời tựa trong nghệ văn chí: «... tạm kê rõ số quyển và nói qua ý nghĩa của tác giả (tức là nội dung sách) để cho người đọc dễ hiểu. Trong đám mục lục sách ấy, có bộ chỉ còn tên sách mà thực ra thì không có sách, cũng xin ghi đủ» (1).

Tiếp theo Thiên Văn tịch chí của Lê Quí Đôn, sau hơn nửa thế kỷ, một công trình nữa đóng góp vào lịch sử thư mục nước nhà đó là thiên «Văn tịch chí của Phan Huy Chú, trong bộ sử «Lịch triều hiến chương loại chí».

Phan Huy Chú, tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong; người ở phủ Quốc Oai, Hà Tây. Phan Huy Chú là người nổi tiếng hay chữ ở vùng Quốc Oai, nhưng hai lần thi, đều đậu tú tài, nên thường gọi là ông Kép Thày. Ông ở nhà dạy học và làm sách. Năm 1821 Minh Mệnh cho triệu vào làm biên tu trường Quốc tử giám. Năm 1828 làm phủ thừa, thăng hiệp trấn Quảng Nam. Hai lần ông

(1) *Lê Quí Đôn. Toàn tập. T.III. Đại Việt thông sử. H., Nxb Khoa học xã hội, 1978. tr. 102.*

https://tieulun.hopto.org

được cử đi sứ Trung Quốc, lần thứ hai bị cách chức và đi công cán Nam dương, ông bị đau chân, cáo quan về làng dạy học.

Lịch triều hiến chương loại chí là tác phẩm lớn nhất của Phan Huy Chú, ông đã dè công trong 10 năm để biên soạn bộ sách này. Năm 1821, khi ông làm biên tu trường Quốc tử giám, thì bộ sách này được Minh Mệnh khen và thưởng cho 30 lạng bạc, một chiếc áo sa, 20 ngòi bút, 20 thoi mực.

Lịch triều hiến chương loại chí, gồm 49 quyển, chia làm 10 chí là :

1 — Địa dư chí
2 — Nhân vật chí
3 — Quan chức chí
4 — Lễ nghi chí
5 — Khoa mục chí
6 — Quốc dụng chí
7 — Hình luật chí
8 — Binh chế chí
9 — Văn tịch chí
10 — Bang giao chí

Lịch triều hiến chương loại chí, thông qua 10 chí đã phản ánh toàn bộ các mặt của xã hội Việt Nam từ Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc, Lê Trung Hưng.

Văn tịch chí là thiên thứ 9 trong bộ lịch sử đó. Văn tịch chí cũng như «Nghệ văn chí» tuy nằm trong bộ lịch sử chung, nhưng cả hai thiên này đều có lời đề tựa riêng ; nói lên nguồn tài liệu thu thập, phương pháp biên soạn, ý nghĩa tác dụng của thiên này. Văn tịch chí, tiếp thu và kế thừa thành tựu trong « Nghệ văn chí » ; song không dập khuôn ; so với Nghệ văn chí, một công trình thư mục ra đời trước trên 50 năm, Văn tịch chí đã có những đóng góp cả về số lượng tài liệu, cũng như về phương pháp biên soạn.

Văn tịch chí đã thu thập được 214 tên sách kể từ thế kỷ XI đến thế kỷ thứ XIX. Trong số đó, có những tác phẩm đã được phản ánh trong Nghệ văn chí, nhưng cũng có tác phẩm mà trong Nghệ văn chí đã liệt kê thì đến lúc này cũng không còn nữa, cũng có nhiều bộ sách mà Lê Quí Đôn chưa sưu tầm được, trong thiên Văn tịch chí, Phan Huy Chú đã bổ sung thêm được.

Về cách sắp xếp phân loại tài liệu, Phan Huy Chú đã chia thành 4 môn loại chính và một môn loại gọi là phụ loại :

https://tieulun.hopto.org

1. Loại Hiến chương ; bao gồm các tập điệp phả ; điển lệ, hình luật ; bản đồ, bang giao, các tài liệu có liên quan đến nhà nước cả thảy 26 bộ.

2. Loại kinh sử : Gồm các sách của nho giả các đời trước thuật, hoặc phát minh nghĩa lý trong kinh truyện, các bộ sử, tất cả được 27 bộ.

3. Loại thi văn: Bao gồm các tập ngự chế của các triều, các tác phẩm của các văn nhân, công khanh có tiếng, các bộ tuyển thi văn của các triều đại, gồm 106 bộ.

4. Loại truyện ký : Gồm các bản thực lục của các triều, các bản kiến văn tạp chí, các sách về địa lý, các tác phẩm, văn xuôi các sách tổng loại.

Phần phụ chép thêm các sách về phương kỹ gồm 10 tài liệu về các môn loại khoa học khác nhau như : sách về toán, sách về dược, sách về đạo Phật, về địa lý...

Văn tịch chí sắp xếp các loại sách xã hội tương đối khoa học, rõ ràng, như việc sắp xếp các tác phẩm của nhà nước lên trên hết, rồi đến các bộ sử, các sách nghiên cứu dịch, các sách kinh, như vậy thâu tóm được các loại kinh, mà trong thiên Nghệ văn chí không thấy có. Về các tác phẩm văn học, Phan Huy Chú phân rạch ròi loại thi văn chỉ gồm các tập thơ của các tác giả và những tập thơ của các triều đại thứ đến loại truyện ký ; truyện ký bao gồm các tác phẩm thực lục của các triều đại, không phải là chính sử, các tác phẩm văn xuôi đầu tiên của nền văn học thành văn của chúng ta. Tuy nhiên trong phần này, với khuôn khổ phân loại như vậy không tránh khỏi tình trạng bất hợp lý của các môn loại được gộp lại trong đó. Ví dụ như Binh gia yếu lược của Trần Quốc Tuấn xếp ở phần này không phù hợp. Nói như vậy không phải chúng ta đòi hỏi người xưa phải giải quyết các vấn đề theo quan điểm của chúng ta ngày nay, song có chỉ ra được những hạn chế đó chúng ta mới đánh giá đúng đắn những giá trị mà chúng ta cần kế thừa. Về phần phụ chép, Phan Huy Chú cũng sắp xếp chưa ổn, các sách về dược về toán, về đạo xếp lẫn lộn, khác với Lê Quý Đôn trong Nghệ văn chí đã để hẳn mục phương kỹ loại để xếp các sách về các môn khoa học tự nhiên ; có lẽ trong cách sắp xếp của Lê Quí Đôn mang tính thực tiễn hơn và cũng hợp lý hơn chăng ?

Về phương pháp thư mục, trong thiên Văn tịch chí cũng đã có những yếu tố thư mục quan trọng như : Tên sách, phụ

https://tieulun.hopto.org

đề (số quyển), tên tác giả, thời gian của tác phẩm ra đời (nếu có), tình trạng tác phẩm còn hay mất, hình thức chép tay hay khắc ván in. Xét về các yếu tố thư mục trên cơ sở phân tích hình thức thì trong thiên thư mục này cũng đã đạt được yêu cầu thông tin tín hiệu, đủ để tra tìm về cuốn sách. Một điểm đáng chú ý là trong thiên Văn tịch chí, Phan Huy Chú đã không chỉ dừng lại ở phân tích hình thức thư mục, mà ông đã đi sâu vào phân tích nội dung. Trong phần diễn giải, ông đã đề cập đến xuất xứ của tác phẩm, những nguồn tư liệu được tập hợp trong tác phẩm. Ngoài ra, ông còn dùng phương pháp phê bình, có ý kiến đánh giá chủ quan, sau đó lại đưa dẫn chứng. Khác với thiên Nghệ văn chí của Lê Quí Đôn, phân tích nội dung chủ yếu dùng phương pháp tóm tắt. Lấy một ví dụ cụ thể về một tác phẩm được phản ánh trong hai thiên thư mục này:

— Trong Nghệ văn chí:

Băng Hồ Ngọc hác tập: 10 quyển.

Trần Nguyên Đán soạn.

— Văn tịch chí:

« Băng Hồ Ngọc hác tập, 2 quyển.

Trần Nguyên Đán soạn. Trong đời xương phù (Niên hiệu của Trần Phế Đế, tức Đế nghiễn 1377 – 1388), Nguyên Đán thôi làm quan về ở Côn Sơn lấy cảnh rừng trúc núi đá làm vui, nhưng lòng lo đời thường thấy ở lời ngâm vịnh. Đây là bài « Tháng 6 năm Nhâm Dần ».

Dịch: Năm nay hạ nắng thu mưa dầm

Lúa khô, mạ hỏng, hại rất lớn

Ba vạn quyển sách cũng vô dụng

Bạc đầu văn phụ lòng yêu dân ».

... Phan Huy Chú còn trích thêm một số bài khác nữa và có lời bàn thêm như sau:

« Đại khái là cảm khái thời sự, thân tuy về ẩn nhưng lòng không quên việc nước. Ở Côn Sơn có động Thanh Hư, cầu Thấu Ngọc, am Bạch Vân, đủ cả thắng cảnh của núi rừng. Cháu ngoại là Nguyễn Trãi có làm bài ca nói lên ý chí của ông... ».

So thiên Văn tịch chí với thiên Nghệ văn chí, thì các yếu tố thư mục được phát triển thêm một bước.

https://tieulun.hopto.org

Hai thiên Nghệ văn chí và Văn tịch chí, là hai bản thư mục quốc gia, thư mục dân tộc đầu tiên ở nước ta. Chúng ta đánh giá trước hết ở giá trị lịch sử của nó, giá trị đó cũng đã được đánh giá cao như trong Lược truyện các tác gia Việt Nam đã viết:

«Về sách cổ bằng chữ Hán, chữ Nôm thì các thiên «Nghệ văn chí» của Lê Quí Đôn. «Văn tịch chí» của Phan Huy Chú cơ hồ là những công cụ độc nhất cho việc tìm tòi nghiên cứu» (1).

Hai thiên thư tịch này đã phản ánh được một phần nào về sự phát triển văn hóa khoa học nghệ thuật ở nước ta. Bản thân hai bản thư mục dân tộc này cũng là một bằng chứng hùng hồn cho tinh thần tự hào dân tộc, ý thức bảo tồn nền văn hóa của nước nhà. Có thể mượn lời của Phan Huy Chú trong lời tựa thiên văn tịch chí để thấy được quan điểm lý luận của cha ông ta về thư tịch.

Phan Huy Chú viết: «Cái diệu trong chế tác tỏ ra ở điển lễ hiến chương, cái hay trong tâm thuật ngụ vào trong văn chương sách vở, cho nên xem đến tư văn thì biết được đạo đời. Thư tịch văn minh của loài người là ở đó.

Nước Việt ta tiếng khen lễ nghĩa đã hơn nghìn năm, vốn có thư tịch đã lâu. Kể từ Đinh Lê dựng nước, đối diện với Trung Hoa, mệnh lệnh từ chương dần dần rõ rệt. Đến Lý Trần nội trị, văn vật mở mang, về tham định thì có những sách về điển chương điều luật, về thể chiếu thì có các thể chiếu sắc thi ca. Trị bình đều nối, văn nhã đủ đều. Huống chi nho sĩ đời nào cũng có, văn chương nảy nở như rừng; sách vở ngày ngày càng nhiều, nếu không qua binh lửa mà thành tro tàn, thì hẳn là trâu kéo phải mệt, nhà chất phải đầy. Đến khi nhà Lê dựng nước, văn hóa lại càng thịnh dần, hơn ba trăm năm, chế tác đầy đủ kỹ càng, văn hiến đứng đầu trung châu, điển chương rạng cả triều đại. Trong khi ấy các bậc vua sáng tôi hiền cùng bàn bạc, các nhà học rộng tài cao soạn thuật ra, tinh thần ngụ đó, tiếng tăm lẫy lừng. Tóm lại mà xét, há chẳng phải là văn nghệ thịnh vượng sao! Nhưng trải qua bao cuộc biến dâu, nhiều phen binh lửa, như cuối đời Trần bị nạn giặc Minh, thư tịch đã mất một lần trước (khi nhà Nhuận Hồ thất thủ, tướng Minh là Trương Phụ lấy cả sách vở cổ kim đưa về Kim Lăng, đầu Lê bị loạn Trần Cảo, thư tịch lại tan một lần sau (cuối năm Hồng Thuận, Trần Cảo làm loạn, kinh

(1) Sách đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

thành bị mất, nhân dân tranh nhau vào nơi cung cấm dinh thự lấy tiền của, văn thư, sách vở ném ra đầy đường). Từ Trung Hưng về sau, tuy đã cố tìm tòi nhưng sau khi đã tản mát đi, thu thập lại được cũng khó. Nội các thì không có kho chứa sách riêng, *sử thư lại không chép văn tịch* khiến cho điển cố các triều đều không còn nữa, người muốn khảo cổ vì thế phải phàn nàn mà rất tiếc.

Than ôi! Sách vở các đời đã từng tản mát, sách mất đã khó sưu tầm, sách còn lại nhiều sai lầm, dằng dặc ngàn năm, biết theo vào đâu mà khảo xét? Nhưng sự học của nhà nho quý ở tìm rộng cần phải tìm tòi ở giấy má còn lại, đừng để cho là không có sách vở để làm bằng. Tôi bèn xét tìm sử cũ, tham khảo các nhà, *biên hết tên sách*, chia làm bốn loại: 1. Loại hiến chương, 2. Loại kinh sử, 3. Loại thi văn, 4. Loại truyện ký. *Trong đó có nhiều thứ tên thì còn, mà sách thì đã mất, cũng nêu đủ và chua rõ. Thứ nào còn thì đều có lời phê bình để cho người xem biết được đại cương những trước thuật xưa nay, thấy được đại khái hay dở của các sách, ngõ hầu giúp cho sự xem rộng biết nhiều. Các môn loại đều tóm tắt biên lên đầu để cho dễ hiểu*" (1).

Với ý thức dân tộc sâu sắc, với quan điểm của người làm công tác khoa học, với ý thức trách nhiệm với lớp người kế tục, trong hai thiên thư mục đã kê cứu các tên sách một cách triệt để, khai thác nội dung sách, tóm tắt những yếu tố cơ bản để cho người sau có thể biết được giá trị của nó.

Hai bản thư mục đã bước đầu đặt ra những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn trong công tác thư mục ở nước ta. một nước có một nền văn hiến rất đáng tự hào, song cũng bị tàn phá hủy diệt nặng nề triền miên. Về mặt lý luận; vấn đề tìm nguồn tài liệu, xác minh nguồn tài liệu, hay cũng có thể gọi đó là cách lựa chọn tài liệu trong những điều kiện cụ thể. Về phân tích tài liệu, các yếu tố thư mục đã được miêu tả thống nhất, phù hợp với loại sách chép tay, (tuy nhiên chưa nói được nơi tàng trữ), phần phân tích nội dung, bản thư mục của Lê Quí Đôn đã dùng phương pháp tóm tắt là chủ yếu và có sử dụng cách chú thích tài liệu. Bản thư mục của Phan Huy Chú đã sử dụng phương pháp dẫn giải, bình luận giúp cho người sử dụng thấy được cái hay, cái tài tình, cái đầy đủ trong trứ tác; điều đó đặc biệt có ý nghĩa đối với các tác phẩm văn học. Trong phần dẫn giải, có nhiều trường hợp ông dẫn lời đánh giá nhận xét của các danh gia cho thêm phần khách quan.

---

(1) *Phan Huy Chú. Lịch Triều hiến chương loại chí T.I. H. Nxb sử học, 1261. Tr.41*

https://tieulun.hopto.org

Tóm lại trong hai thiên thư mục các vấn đề lý luận đã được đặt ra và thể hiện một cách cụ thể. Những yếu tố thư mục sau này có phát triển thêm như số trang, nơi xuất bản, nơi tàng trữ, đó cũng xuất phát từ tình hình cụ thể của lịch sử.

Sau hai thiên « Nghệ văn chí » và « Văn tịch chí », sự phân loại sắp xếp có phát triển hơn một chút trong một số thơ mục khác như: Hoàng Lê tứ khố thư mục và Hoàng Nguyễn tứ khố thư mục do Lê Trọng Hàm và nhóm Đông thiên hội ở Nam Định soạn, ghi trong Minh đô sử.

Hoàng Lê tứ khố thư mục có 76 bộ sách chia làm 5 loại: Hiến chương, Kinh sử, Tài văn, Truyện ký, Tạp loại.

So với thiên Văn tịch chí, ở thư mục này cũng chia làm 5 loại, song cơ cấu nó chặt chẽ hơn, vì phần thứ 5 được chính thức coi là một môn loại, chứ không để ở phụ loại.

Trong Hoàng Nguyễn tứ khố thư mục lại sắp xếp tài liệu trên một cơ sở khác. Thư mục gồm có 135 bộ sách kể từ đầu triều Nguyễn, cách phân loại không theo nội dung sách mà lại lấy địa dư làm căn cứ để phân chia tài liệu. Thư mục bao gồm các mục và xếp như sau:

- Thần kinh (Huế) 20 bộ
- Bắc kỳ 70 bộ
- Trung kỳ 42 bộ
- Nam kỳ 21 bộ
- Các nữ sĩ 6 bộ

Cách phân chia trong thư mục này thiếu sự thống nhất về cơ sở. Bên cạnh cách sắp xếp theo địa dư lại chen vào cách xếp theo giới của tác giả. Cách xếp tài liệu này phải chăng chịu ảnh hưởng của chính sách chia để trị của thực dân Pháp? Chúng ta cũng lại thấy cách sắp xếp chia tài liệu theo kiểu này trong các thư mục lưu chiểu của Pháp từ những năm hai mươi của thế kỷ này.

Về việc phân loại kho sách, sau Lê Quí Đôn phân loại khoa học trong Vân đài loại ngữ, sau cách xếp tài liệu theo nội dung ở hai bản thư mục của hai cụ Lê và Phan, ở một số thư viện đã sắp xếp chia thêm một vài loại nữa. Thư viện Tụ Khuê ngoài 4 loại chính đã mở thêm loại « sách phương Tây » như vậy ngoài việc xếp theo nội dung, theo môn loại, trong thư viện này đã hình thành bước đầu kho sách nước ngoài.

Thư viện Chi trai của Lê Nguyên Trung lại phân chia chi tiết hơn, cụ thể là:

https://tieulun.hopto.org

1. Kinh, 2. Thi, 3. Sử, 4. Tử, 5. Tập, 6. Cử nghệ, 7. Tạp trứ.

Thư viện nhà nước dời Thành Thái là Tân thư viện đã chia kho sách thành 3 bộ phận:

— Sách Trung Quốc (Tứ bộ).

— Sách bản quốc (sách trong nước, không chia theo nội dung).

— Tây văn (sách phương Tây).

Cách phân loại sắp xếp kho sách dời Thành Thái có điều đáng chú ý là ngoài sự có mặt của các tác phẩm Trung Quốc, các tác phẩm «Tây văn» đã lan tràn thâm nhập vào đáng kể, có lẽ xuất phát trên thực tế đó mà kho sách của thư viện được phân theo địa dư.

Vào thế kỷ XIX, các thư viện nhà nước còn đặt chế độ đăng ký sách. Thực chất việc đăng ký này là xây dựng các bản mục lục sách để vừa nắm vững kho sách, vừa giới thiệu được kho sách. Việc xây dựng mục lục và thư mục đến giai đoạn này đã được chú ý và biên soạn. Các thư viện như Tụ khuê thư viện, Cổ thư viện, Tân thư viện, các thư viện trong Đông các viện và sử quán đều thực hiện chế độ đăng ký sách.

Tổ chức thư viện, sắp xếp kho sách, chế độ đăng ký và cho mượn, hiện nay chưa tìm được nhiều tài liệu nói về vấn đề này, song cũng có thể căn cứ vào bài «Lê thị tích thư ký» của Chi Trai Lê Nguyên Trung. Trong bài này Chi Trai nói đến ý nghĩa của sách, tầm quan trọng và ý nghĩa của việc chứa sách, mục đích tổ chức sắp xếp sách và tổ chức thư viện nói chung. Toàn bộ bài tích thư ký của Chi Trai như sau:

«Bài ký về việc chứa sách của họ Lê.

«Người chứa sách cần phải năng đọc sách, lại phải biết kính cẩn giữ gìn sách mới được. Xưa kia, có người cứ đến ngày Canh Tý thì làm lễ bái kinh. Chẳng phải họ biết tôn kính sách và giữ gìn sách làm sao?

Tôi đi làm quan đã lâu, tiêu pha tằn tiện, hễ còn thừa tiêu, tôi đem mua sách để dành. Hễ mua được *thì bộ nào đóng thành bộ ấy* và tự yến ủi «Ấy là rương báu của nhà ta». Tôi tuy chưa có thể đọc hết được các sách ấy, nhưng tôi giữ gìn thật kính cẩn. Tôi lại muốn con cháu đời đời kính giữ, *bèn đóng giá xếp lên* sau này sẽ đem đặt ở nhà thờ là nơi chốn để con cháu được cùng kính giữ. Tôi mới *làm một cái biên, chia theo từng loại, ghi*

https://tieulun.hopto.org

rõ thành 7 mục : 1) Kinh, 2) Thi, 3) Sử, 4) Tử, 5) Tập, 6) Cử nghệ, 7) Tạp trứ.

Sau này có sách thêm thì theo số hiệu tiếp tục ghi vào đấy. Cần phải lau quét luôn để sách khỏi nát.

Bên cạnh tủ sách, tôi có để quyển sổ ghi đủ 4 chi họ, *ai cũng có thể mượn về đọc, ai mượn thì ghi rõ vào cuối bảng, khi trả lại, xóa tên đi. Việc này không thể* xao lãng để khỏi mất sách.(Dã dành) chứa sách không bằng tích lũy việc làm điều thiện. Ta (đáng tiếc) thật chưa tích lũy được nhiều điều thiện. Tuy nhiên Trung, Hiếu là của báu của nhà nho, kinh sử là của cải ruộng mương của nhà nho. Con cháu ta quả thật biết việc học hành, việc cấy trồng là cần thiết thì biết gắng sức học tập. Biết học tập thì biết kính giữ sách, không để thất lạc, ngõ hầu không bỏ ruộng hoang của mình, không bỏ rơi của báu của mình, gắng sức tiến lên làm điều thiện. Như thế thì sẽ không phụ tấm lòng yêu thích chứa sách của ta ».

Ngày 5-5 Bính Ngọ, niên hiệu Thiệu Trị (1846)
Chi trai chủ nhân (1)

Căn cứ vào ý kiến của Lê Nguyên Trung trong bài ký, chúng ta có thể thấy được một phần nào về thực tế thư viện ở thế kỷ XIX.

VỀ BỔ SUNG SÁCH : Sách được bổ sung dần, có thể bổ sung trên tinh thần là bổ sung đầy đủ ; có thể là sách chưa đọc đến ; song là sách có giá trị thì vẫn được mua để gìn giữ cho con cháu sau này có đủ sách vở mà học hành. Sách được coi là của báu nhà nho, hay nói một cách khác, sách là công cụ của người làm công tác khoa học. Phan Huy Chú cũng đã chẳng nhấn mạnh vai trò của sách vở. « Cái diệu trong chế tác tỏ rá ở điển lễ văn chương, cái hay trong tâm thuật ngụ vào trong văn chương sách vở, cho nên xem đến tư văn thì biết được đạo đời ». Sách được chú trọng gìn giữ, được bổ sung thường xuyên, và bổ sung hoàn bị. Trong bài ký có nói đến «hễ mua được thì bộ nào đóng thành từng bộ ấy» cho khỏi bị thất lạc. Đó là cách làm rất khoa học, ngày nay ở nhiều thư viện chúng ta mới áp dụng đối với loại ấn phẩm định kỳ.

VỀ ĐĂNG KÝ SÁCH : Sau khi sách được phân thành 7 loại có biên riêng cho từng loại, mỗi khi có sách thêm thì theo số hiệu tiếp tục ghi vào đấy. Như vậy sách trong kho vừa được xếp theo phân loại vừa theo số đăng ký cá biệt, loại nào vào loại đó.

---

(1) Sách đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

Đây là sách đăng ký cho một thư viện nhỏ của tư nhân, song cũng là cách tổ chức kho sách hợp lý.

Về sắp chữ và bảo quản kho: Trong thư viện của Chi Trai, sách được xếp theo môn loại. Kho sách được chia làm 7 môn loại, xếp theo thứ tự số hiệu bổ sung.

Như vậy việc tổ chức xếp sách trên giá từ thế kỷ XIX có lẽ đã phổ biến. Và công tác bảo quản được Chi Trai hết sức quan tâm, ông chỉ ra : « Cần phải lau quét luôn cho sách khỏi nát », hoặc chỗ khác ông lại nói : « để khỏi mất mát ».

Tổ chức cho mượn sách.

Thư viện có sổ cho mượn sách ghi đủ 4 chi họ, như vậy thư viện tư nhân phạm vi sử dụng không chỉ ở một gia đình, mà như ở đây giới hạn rất rộng đủ cả 4 chi họ (nếu gia đình phiêu chi họ hơn thì số lượng bạn đọc hẳn khá lớn!) Thư viện cho mượn sách về nhà, ai mượn thì ghi tên, khi trả lại, xóa tên đi. Chi Trai còn nói rõ : Việc này không thể sao lãng để khỏi mất sách.

Trong bài ký này Chi Trai nói lên ý nghĩa việc chứa sách, mục đích việc chứa sách đã giúp cho con cháu gắng sức học tập, vươn lên cải thiện, nắm được kinh sách, như vậy mới đền đáp được tấm lòng yêu thích chứa sách của ông.

Trong một bài ký ngắn, Chi Trai đã nói một cách tóm tắt sơ lược về việc tổ chức một thư viện tương đối đầy đủ.

Việc tổ chức một thư viện tương đối khoa học bao gồm các khâu khác nhau ở trong thư viện này có lẽ không phải là duy nhất, chắc chắn trong các thư viện lớn khác những vấn đề về phân loại, sắp xếp, tổ chức, bảo quản cũng được đặt ra, và ở thư viện Chi Trai chắc chắn cũng kế thừa phương pháp tổ chức thư viện có từ trước đó.

Tuy nhiên, việc tổ chức thư viện chưa được thống nhất, chưa có những quy định cụ thể như Lê Quí Đôn trong bài tựa « Nghệ văn chí » đã viết : « Số lượng sách đã ít như vậy, mà các tổ chức chứa sách như gác « Thạch Cừ », gác « Thiên Lộc » cũng rất sơ sài, không đặt hẳn các cục riêng coi sách vở giấy tờ, không đặt riêng các quan chuyên trách việc thư tàng, coi giữ các sách. Đến việc so sánh từng bản và sao chép ra *việc phơi sách chữa sách* đều không được quy định thành phép riêng, lệ riêng ».

Về phân loại sách : Trong cách phân loại của Chi Trai có ảnh hưởng cách phân loại của Phan Huy Chú nhưng được mở

https://tieulun.hopto.org

rộng hơn để việc sắp xếp hợp lý. Nhìn vào cách chia loại này chúng ta thấy đã tiến gần với cách chia loại ở các thư viện nhỏ của chúng ta. Đó cũng là một bước phát triển hơn so với cách phân loại của Lê Quí Đôn và Phan Huy Chú. Ngoài một số công trình về phân loại và thư mục, về vấn đề đọc sách, phương pháp đọc sách cũng rải rác có một số ý kiến.

Công tác đọc sách :

Phan Huy Chú viết :

«Cái thần diệu của lối xếp đặt công việc đều được bày tỏ ở điều lệ hiến chương : cái tinh vi của lòng nghĩ ngợi lo toan đều gửi gắm vào trong văn chương sách vở. Cho nên xem văn chương để hiểu thấu đường đời, văn minh của loài người đều chứa trong sách vở».

(Lời tựa Văn Tịch Chí)

Hoặc như Lê Quí Đôn cũng viết :

...«đời nào cũng có các bậc đại nho có tiếng biên soạn sách vở. Đôi khi có lời bàn bạc, tuy chưa hẳn là thuần túy, nhưng chủ yếu cũng là do tinh anh trời đất hun đúc lại ; gốc ở ý nghĩa sâu xa, trong lòng mà ra. Mỗi ý đều có nhận xét riêng, đã trở thành lời của một nhà : lời nói của người giỏi đem lại cho ta được nhiều kiến thức rộng, làm tăng thêm hiểu biết. Có thể nào coi đó là rườm rà mà bỏ qua không ? ».

Cả hai ông đều thấy giá trị của sách là di chúc của thế hệ trước trao lại cho thế hệ sau, là kết tinh những kiến thức của nhân loại, và việc đọc sách là thừa hưởng được tất cả những tinh hoa của muôn đời làm giàu cho trí tuệ mình.

Thái độ của ông cha ta đối với sách vở rất là kính cẩn, các cụ cũng thấy rằng người chứa sách cần năng đọc sách. Chứa sách rất cần, giữ gìn sách như nhà nông giữ ruộng, song cái chính là cần phải cày cấy, phải khai thác nó, do đó việc đọc sách mới là mục đích của việc chứa sách. Trong nhân dân ta, tầng lớp nào, lứa tuổi nào cũng đều ham đọc sách. Chúng ta đã từng được nghe các gương đọc sách, ham học của nhiều danh nho từ thuở nhỏ hàn vi. Trong bài Gia lạc viên của Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng đã có câu « Lục tuế nhi đồng phá ái thư », (con nít 6 tuổi đã biết yêu quý sách). Việc đọc sách trong giai đoạn phong kiến không mang tính chất phổ cập rộng rãi mà nó chỉ hạn chế trong một số người có điều kiện học hành. Số người biết chữ được học hành ngày càng được mở rộng phạm vi (trước kia chủ yếu trong tầng lớp

https://tieulun.hopto.org

quan lại, sư sãi, sau việc học hành mở rộng đến các châu, phủ, người biết chữ, đỗ đạt càng nhiều, người ta càng quan tâm hơn đến việc đọc sách. Tuy nhiên việc đọc sách trong số những người có học chủ yếu là dùi mài kinh sử, chịu ảnh hưởng nặng nề của lối đọc sách để theo con đường khoa cử, do đó sách của họ đọc chủ yếu là Tứ thư, Ngũ kinh, thậm chí sử nước nhà cũng còn bị coi nhẹ.

Quan điểm đọc sách cũng còn nhiều hạn chế, mang tính giai cấp, quan điểm của các nhà nho cho rằng « Duy hữu độc thư cao » (chỉ có đọc sách là nghề cao quý nhất).

Tuy vậy, việc đọc sách trong thời kỳ phong kiến chúng ta cũng có thể thấy những nhóm khác nhau: nhóm đọc sách kinh sử tử tập để thi cử, nhóm đọc sách, dùng sách để mở rộng kiến thức, để tiêu khiển, nhóm quần chúng nhân dân có thể là ít được đọc sách hoặc họ đọc sách thì chủ yếu bằng thứ văn tự dân tộc, mà giai cấp thống trị coi là nôm na mách quế. Nhóm quần chúng phần lớn đọc sách chữ nôm, đó không phải là loại kinh sử mà là các tập thơ, tập truyện nói lên cuộc đời của chính họ, nói lên mơ ước của họ, nói về quyền sống con người, nói về thứ đạo lý của quần chúng. Nhiều người không đọc được sách, nhưng các tác phẩm đó được truyền miệng, họ kể chuyện, kể chuyện thơ cho nhau nghe, do đó, các tác phẩm như : Phạm Công Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Phan Trần, Kim Vân Kiều, Lục Vân Tiên... đã thấm sâu vào quần chúng. Nhiều hình tượng được quần chúng yêu thích, nhiều hành động được quần chúng khâm phục, nhiều đoạn văn được quần chúng thuộc lòng, vận dụng rộng rãi vào trong ngôn ngữ đời sống.

Việc đọc sách trong quần chúng mang tính chất tự phát, nội dung sách họ đọc rất phong phú, khác hẳn với việc đọc sách sáo rỗng của bọn học trò, quan lại. Nhiều người khi làm quan, thỏa mãn với công danh của mình không thèm đọc sách, tình trạng này hẳn khá trầm trọng, nên Minh Mạng phải xuống chiếu bắt các quan phải vào thư viện đọc sách.

Tóm lại việc đọc sách trong thời kỳ này còn mang nhiều hạn chế do nhiều nguyên nhân :

— Nguyên nhân, dân ta không được học hành nhiều. Số người biết chữ rất có hạn.

— Phương pháp đọc sách còn lệch lạc, nặng về kinh sử, theo lối văn chương sáo rỗng.

https://tieulun.hopto.org

— Nội dung đọc sách còn phiến diện, nặng về kinh, sử văn chương, ít chú ý đến các bộ môn khoa học khác.

— Trong quần chúng nhân dân, việc đọc sách mang tính chất tự phát, chủ yếu bằng phương pháp kể sách.

Về tổ chức thư viện của Nhà nước Các triều đại đều đặt các danh nho có đỗ đạt, có chức vụ trông coi.

— Đời Trần Duệ Tông — đặt Trần Tôn, giữ chức viện trưởng ở Thư viện Lạn Kha để dạy học trò.

— Đời Lê Thái Tông (1435) Nguyễn Thời Trung giữ chức thư khố ở Quốc Tử Giám.

— Năm 1462, Lương Như Hộc được cử chức Trung thư sảnh, bí thư giám học sĩ.

— Năm 1466, đời Lê Thánh Tông, bí thư giám học sĩ là Vũ Vĩnh Trình.

— Đời Lê Hiến Tông, Nguyễn Bá Lân và Lê Quý Đôn làm học sĩ trong bí thư các...

Theo Đại Việt Sử ký tục biên của Lê Hi thì đời Lê Huyền Tông (1659) đã đặt chức hiệu coi giữ sách, đời Quang Trung (1791) La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp giữ chức Viện trưởng Sùng Chính thư viện.

Các chức quan coi thư viện như chức thư khố bí thư giám học sĩ, Viện trưởng của thư viện đồng thời cũng là để chỉ chức quan trông coi việc học hành của Quốc Tử Giám, hoặc của trường học. Đời Gia Long cũng có đặt vấn đề đào tạo người coi giữ thư viện. Song chưa được tổ chức thành hệ thống.

Nhìn lại chặng đường lịch sử phát triển thư viện ở Việt Nam trong thời kỳ phong kiến có thể rút ra một số vấn đề :

— Thư viện Việt Nam đã có quá trình phát triển hàng chục thế kỷ, sự phát triển của thư viện Việt Nam mang tính quy luật của sự phát triển thư viện chung trên thế giới bao gồm sự hình thành của thư viện tôn giáo, thư viện nhà nước và thư viện tư nhân.

Tuy nhiên đặc điểm ở Việt Nam cũng có điều đáng chú ý. Thư viện nhà nước, thư viện công cộng ở một số lớn các nước được hình thành do quá trình tập trung của các thư viện tư nhân. Ở Việt Nam không có quá trình tập trung đó mà nó chỉ là một nguồn bổ sung từng bộ phận mà thôi.

https://tieulun.hopto.org

Thư viện tư nhân ở Việt Nam, nội dung, tính chất mang tính nhân dân, tính dân tộc rõ rệt, tính chất giai cấp của thư viện được hình thành tự nhiên trên cơ sở phát triển các thư viện gia đình, song song với thư viện nhà nước. Cũng do đặc điểm là sách chép tay của các thư viện là một bộ phận lớn và kéo dài suốt gần chục thế kỷ, do đó nhiều tài liệu quý hiếm, những tài liệu không được phép lưu hành, tài liệu chưa được kiểm duyệt chỉ nằm trong các thư viện cá nhân mà thôi. Do đó thư viện tư nhân tàng trữ được nhiều loại, đặc biệt là sách chữ Nôm.

Xuất phát từ đặc điểm kinh tế tự cấp tự túc, kỹ nghệ kém phát triển, nghề in ở nước ta ra đời muộn, do đó thư viện ở Việt Nam phần lớn bao gồm cả chức năng xuất bản (bao gồm cả chép kinh sách, khắc ván, in sách) tàng trữ và luân chuyển.

— Mặc dù thư viện Việt Nam được phát triển đã hàng chục thế kỷ, song đến nay thì khó mà tìm được một thư viện nào còn ở nguyên dạng của nó. Do tình hình lịch sử của nước ta, nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm phương bắc, phương nam, rồi các cuộc nội chiến, các thư viện bị phá hủy nặng nề, do đó các thư viện luôn ở tình trạng tập hợp lại rồi tan nát rồi lại tập trung. Cũng do vậy chúng ta khó mà tìm được những sách quý hiếm được tàng trữ ở thư viện như các thư viện khác trên thế giới.

Thư viện công cộng ở Việt Nam trong giai đoạn phong kiến chủ yếu là thư viện học đường, phục vụ cho việc học tập, chưa hình thành thư viện công cộng khu vực cho quần chúng. Tính chất xã hội của thư viện chưa được phát huy đầy đủ.

https://tieulun.hopto.org

Lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam thời phong kiến là một giai đoạn lịch sử dài có thể kể từ thế kỷ thứ X đến đầu thế kỷ XX, từ Đinh Tiên Hoàng đến triều đại cuối cùng của chế độ phong kiến là triều Nguyễn.

Trên chặng đường lịch sử hàng ngàn năm, cùng với sự phát triển của lịch sử dân tộc, lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam phản ánh tiến độ phát triển của văn hóa dân tộc, phản ánh trình độ phát triển sản xuất, tình hình kinh tế, đường lối chính trị của mỗi thời kỳ lịch sử, mỗi thời đại phong kiến. Sự nghiệp thư viện Việt Nam trong thời kỳ phong kiến, không chỉ gắn bó mật thiết với công tác văn hóa giáo dục, mà nó đã góp một phần quan trọng trong việc phát triển giáo dục, phát triển khoa học và phát triển nền văn hóa dân tộc, độc lập.

Sự phát triển sự nghiệp thư viện ở giai đoạn này còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn nền văn hóa dân tộc, bước đầu đặt cơ sở thực tiễn và lý luận trong công tác thư viện và thư mục ở nước ta. Nghiên cứu sự nghiệp thư viện ở giai đoạn lịch sử này, chúng ta không thể không tính đến đặc điểm lịch sử của dân tộc, bản sắc của mỗi thời đại, đồng thời chúng ta phải gắn liền với sự phát triển có tính quy luật trong việc sử dụng sách vở của thế giới. Xuất phát từ một dân tộc có nền văn hóa sớm phát triển trong lịch sử loài người, một dân tộc mà quá trình xây dựng đất nước luôn gắn liền với các cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước : một dân tộc có ý thức độc lập về cương vực lãnh thổ cũng như luôn có ý thức độc lập trong xây dựng một nền văn hóa có truyền thống, nghiên cứu lịch sử phát triển của sự nghiệp thư viện dựa trên những bước thăng trầm của đất nước, những điều kiện phát triển, những nhân tố quan trọng tác động đến sự phát triển của nó.

Những nhân tố quan trọng góp phần phát triển sự nghiệp thư viện thời phong kiến một cách trực tiếp như vấn đề xuất bản (bằng các hình thức khác nhau như chép sách, khắc ván, in sách...), vấn đề vật liệu của thư tịch (bằng đá, đồng, gỗ, lụa, giấy...) kỹ thuật in ấn... những nhân tố này cũng nằm trong qui luật phát triển của thư tịch thế giới. Từ nguồn gốc sâu xa của khái niệm chép sách (biblion : sách, grapho : chép sách) thời kỳ cổ đại đã tiến thành nghề chép sách và quá trình cải tiến thay thế nghề chép sách, khắc ván bằng kỹ thuật in ấn ở thế kỷ XV với những máy in. Việc xuất hiện máy in đã ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của thư viện, đến khoa học tổ chức và sử dụng sách cho xã hội.

https://tieulun.hopto.org

Ở nước ta nghề chép sách, khắc ván thủ công đã xuất hiện từ ngàn năm nay và cho đến nửa đầu thế kỷ XIX vẫn là một phương tiện quan trọng trong quá trình phát triển thư tịch của nước nhà. Đặc điểm này liên quan đến sự phát triển về số lượng của thư viện đồng thời cũng liên quan đến tính chất kho sách của Việt Nam.

Nghiên cứu sự phát triển sự nghiệp thư viện ở Việt Nam cũng gắn liền với lịch sử phát triển tư tưởng của dân tộc. Thư viện Việt Nam phát triển ở thời kỳ Phật giáo thịnh trị, khác với thời kỳ nho giáo được đề cao.

Sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo trong đời sống xã hội đến sự phát triển sâu rộng của nho giáo trong đời sống tinh thần của thời đại đã ảnh hưởng quan trọng đến tính chất của các thư viện Việt Nam trong mỗi giai đoạn.

Sự nghiệp thư viện Việt Nam có một lịch sử đáng tự hào, nó vượt lên tất cả những thử thách lớn lao, sự vùi dập, hủy diệt của ngoại bang và sự tàn phá của thời gian, nó đánh dấu, ghi lại bước đường phát triển của nền văn hóa dân tộc bằng thư tịch, bằng các phương tiện truyền bá, tàng trữ thư tịch. Sự nghiệp thư viện Việt Nam, trong quá trình phát triển gắn bó chặt chẽ với lịch sử bảo tồn nền văn hóa dân tộc, phát triển nền văn hóa dân tộc. Dân tộc Việt Nam có lịch sử chống ngoại xâm chói lọi vẻ vang và cũng là một nước có nền văn hiến rạng rỡ.

https://tieulun.hopto.org

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mac,-Ph Ăng ghen. V.I.Lê-nin. Về Văn học và nghệ thuật. H., NXB Sự Thật, 1977.

2. Lê-nin bàn về văn hóa văn học. H., NXB Văn học 1977.

3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III. H., Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam. 1960.

4. Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IV.

5. Bùi Huy Bích. Hoàng Việt Thi văn tuyển. H., NXB Văn hóa, 1958.

6. Dương Quảng Hàm. Việt Nam văn học sử yếu. H., 1941.

7. Đại nam nhất thống chí. H., NXB K.H.X.H. 1970.

8. Đại nam thực lục (chính biên). H., NXB. K.H.X.H. 2971.

9. Đại nam thực lục (tiền biên). H., NXB. Sử học, 1962.

10. Đào Duy Anh. Việt Nam văn hóa sử cương. S.G., 1951.

12. Hợp tuyển thơ văn Việt Nam. Thế kỷ X—XVII. H., NXB Văn hóa 1962.

13. Hợp tuyển thơ văn Việt Nam. Thế kỷ XVIII—nửa đầu TKXIX. H., NXB. Văn hóa 1962.

14 Khâm định Việt sử thông giám cương mục. H., NXB. Văn sử địa. 1957, 1960.

15. Lê Quí Đôn. Toàn tập. T1—3 H., NXB. KHXH. 1977.

16. Lê Quí Đôn. Vân đài loại ngữ. H., NXB. Văn hóa, 1962.

17. Lịch sử Việt Nam. H., NXB. KHXH, 1971.

18. Ngô Cao Lãng. Lịch triều tạp kỷ. T1—2. H., NXB. KKXH. 1975.

19. Ngô Sĩ Liên. Đại Việt sử ký toàn thư. H., NXB. KHXH, 1968.

20. Ngô Tất Tố. Văn học đời Lý. H., NXB Mai Lĩnh, 1942.

https://tieulun.hopto.org

21. Nguyễn Hùng Cường. S., Trung tâm học liệu Bộ giáo dục. 1972.

22. Nguyễn Khánh Toàn. Vài nhận xét về thời kỳ từ cuối nhà Lê đến nhà Nguyễn Gia Long. H., 1957.

23. Nguyễn Phi Hoành. Lược sử Mỹ thuật Việt Nam. H., 1970.

24 Nguyễn Sĩ Đạo. Đại Việt văn học lịch sử. H., Thụy ký xuất bản 1941.

25. Nguyễn Trãi toàn tập. H., CXB. KHXH, 1979.

26. Phan Huy Chú. Lịch triều hiến chương loại chí. H., NXB Sử học, 1961.

27. Phan Huy Lê. Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam 1962.

28. Phạm Gia Bền. Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam. H., 1957.

29. Trần Văn Giáp. Lược truyện các tác gia Việt Nam. H., NXB. Sử học. 1962.

30. Trần Văn Giáp. Tìm hiểu kho sách Hán nôm. H., Thư viện Quốc gia ; 1969.

31. Sơ thảo lịch sử sự nghiệp thư viện từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XX. Tài liệu đánh máy của thư viện Quốc gia 1966.

https://tieulun.hopto.org